

NGHỊ QUYẾT

**Thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;
quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh,
Tòa án nhân dân khu vực**

Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị quyết số 04/2026/UBTVQH16 ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2026.

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 81/2025/QH15;¹

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh

1. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang và Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

¹ Nghị quyết số 04/2026/UBTVQH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 81/2025/QH15, Luật số 106/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 142/2025/QH15 và Luật số 150/2025/QH15;”.

2. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai và Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

3. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên và Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

4. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình và Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

5. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh và Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

6. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên và Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

7. Thành lập Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng và Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

8. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam và Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

9. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị và Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

10. Thành lập Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng và Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

11. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

12. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai và Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

13. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa và Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

14. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông và Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

15. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

16. Thành lập Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

17. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai và Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

18. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh và Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

19. Thành lập Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang và Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

20. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre và Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

21. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

22. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau và Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

23. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh An Giang trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh An Giang và Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

24. Sau khi hợp nhất, thành lập, trong hệ thống tổ chức của Tòa án nhân dân có 34 Tòa án nhân dân cấp tỉnh, trong đó có 19 Tòa án nhân dân tỉnh và 04 Tòa án nhân dân thành phố được thành lập theo quy định tại các khoản từ khoản 1 đến khoản 23 Điều này và 11 Tòa án nhân dân cấp tỉnh không thực hiện sắp xếp, gồm Tòa án nhân dân các tỉnh: Cao Bằng, Điện Biên, Hà Tĩnh, Lai Châu, Lạng Sơn, Nghệ An, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Sơn La và Tòa án nhân dân các thành phố: Hà Nội, Huế.

25. Các Tòa án nhân dân cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, các luật về tố tụng và quy định khác của pháp luật có liên quan. Các Tòa án nhân dân cấp tỉnh quy định tại các khoản từ khoản 1 đến khoản 23 Điều này kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân được hợp nhất theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh đối với yêu cầu hủy phán quyết trọng tài, đăng ký phán quyết trọng tài vụ việc

1. Các Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết yêu cầu hủy phán quyết trọng tài, đăng ký phán quyết trọng tài vụ việc bao gồm:

- a) Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- b) Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- c) Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2.² Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của các Tòa án nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 1 Điều này đối với yêu cầu hủy phán quyết trọng tài, đăng ký phán quyết trọng tài vụ việc được quy định như sau:

² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị quyết số 04/2026/UBTVQH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp

a) Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 18 tỉnh, thành phố, bao gồm: Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh, Cao Bằng, Điện Biên, Hà Tĩnh, Hưng Yên, Lai Châu, Lạng Sơn, Lào Cai, Nghệ An, Ninh Bình, Phú Thọ, Quảng Ninh, Sơn La, Thái Nguyên, Thanh Hóa và Tuyên Quang;

b) Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 07 tỉnh, thành phố, bao gồm: Đà Nẵng, Huế, Đắk Lắk, Gia Lai, Khánh Hòa, Quảng Ngãi và Quảng Trị;

c) Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 09 tỉnh, thành phố, bao gồm: Cần Thơ, Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh, An Giang, Cà Mau, Đồng Tháp, Lâm Đồng, Tây Ninh và Vĩnh Long.

Điều 3. Thành lập Tòa án nhân dân khu vực

1. Thành lập 355 Tòa án nhân dân khu vực tại 34 tỉnh, thành phố; số lượng và tên gọi cụ thể của các Tòa án nhân dân khu vực tại từng tỉnh, thành phố được quy định chi tiết tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

2. Các Tòa án nhân dân khu vực thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, các luật về tố tụng và quy định khác của pháp luật có liên quan; kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định của pháp luật với phạm vi được quy định chi tiết tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực

1. Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của 355 Tòa án nhân dân khu vực được xác định tương ứng với phạm vi địa giới của các đơn vị hành chính cấp xã được quy định chi tiết tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

2.³ Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực đối với vụ việc phục hồi, phá sản được quy định như sau:

a) Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 18 tỉnh, thành phố, bao gồm: Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh, Cao Bằng, Điện Biên, Hà Tĩnh, Hưng Yên, Lai Châu, Lạng Sơn, Lào Cai, Nghệ An, Ninh Bình, Phú Thọ, Quảng Ninh, Sơn La, Thái Nguyên, Thanh Hóa và Tuyên Quang;

tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2026.

³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết số 04/2026/UBTVQH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2026.

b) Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 07 tỉnh, thành phố, bao gồm: Đà Nẵng, Huế, Đắk Lắk, Gia Lai, Khánh Hòa, Quảng Ngãi và Quảng Trị;

c) Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 09 tỉnh, thành phố, bao gồm: Cần Thơ, Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh, An Giang, Cà Mau, Đồng Tháp, Lâm Đồng, Tây Ninh và Vĩnh Long.

3.⁴ Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực đối với vụ việc dân sự, kinh doanh, thương mại, vụ án hành chính về sở hữu trí tuệ, chuyên giao công nghệ được quy định như sau:

a) Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 20 tỉnh, thành phố, bao gồm: Hà Nội, Hải Phòng, Huế, Bắc Ninh, Cao Bằng, Điện Biên, Hà Tĩnh, Hưng Yên, Lai Châu, Lạng Sơn, Lào Cai, Nghệ An, Ninh Bình, Phú Thọ, Quảng Ninh, Quảng Trị, Sơn La, Thái Nguyên, Thanh Hóa và Tuyên Quang;

b) Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 14 tỉnh, thành phố, bao gồm: Cần Thơ, Đà Nẵng, Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh, An Giang, Cà Mau, Đắk Lắk, Đồng Tháp, Gia Lai, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Quảng Ngãi, Tây Ninh và Vĩnh Long.

4. Địa điểm đặt trụ sở của Tòa án nhân dân khu vực do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định, bảo đảm gần dân, sát dân, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi tham gia tố tụng.

Điều 5. Hiệu lực thi hành⁵

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này; sắp xếp tổ chức bộ máy, quyết định phân bổ biên chế, số lượng Thẩm phán Tòa án nhân dân; xử lý trụ sở, tài sản

⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết số 04/2026/UBTVQH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2026.

⁵ Điều 2 của Nghị quyết số 04/2026/UBTVQH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 6 năm 2026.”.

công tại các Tòa án nhân dân và các nội dung khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Chính phủ, căn cứ quy định tại Nghị quyết này, bố trí kinh phí để thực hiện việc thành lập, sắp xếp các Tòa án nhân dân gồm: xây dựng, cải tạo, sửa chữa trụ sở; mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc; đào tạo, bồi dưỡng và giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động chịu tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy và các nhiệm vụ cần thiết khác.

PHỤ LỤC

**TÊN GỌI VÀ PHẠM VI THẨM QUYỀN THEO LÃNH THỔ
CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC; KẾ THỪA QUYỀN,
NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025
của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh,
Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ
của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực)*

STT	Tên của Tòa án nhân dân khu vực	Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực	Tòa án nhân dân khu vực kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện sau đây
1. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh An Giang (15 đơn vị)			
1	Tòa án nhân dân khu vực 1 - An Giang	Đối với 03 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh An Giang: Vĩnh Thông, Rạch Giá, Kiên Hải.	Rạch Giá, Kiên Hải
2	Tòa án nhân dân khu vực 2 - An Giang	Đối với 02 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh An Giang: Phú Quốc, Thổ Châu.	Phú Quốc
3	Tòa án nhân dân khu vực 3 - An Giang	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh An Giang: Tân Hội, Tân Hiệp, Thạnh Đông, Thạnh Lộc, Châu Thành, Bình An.	Châu Thành (Kiên Giang), Tân Hiệp
4	Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang	Đối với 05 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh An Giang: Hòn Đất, Sơn Kiên, Mỹ Thuận, Bình Sơn, Bình Giang.	Hòn Đất
5	Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh An Giang: Định Hòa, Gò Quao, Vĩnh Hòa Hưng, Vĩnh Tuy, Giồng Riềng, Thạnh Hưng, Long Thạnh, Hòa Hưng, Ngọc Chúc, Hòa Thuận.	Giồng Riềng, Gò Quao
6	Tòa án nhân dân khu vực 6 - An Giang	Đối với 05 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh An Giang: Vĩnh Bình, Vĩnh Thuận, Vĩnh Phong, Vĩnh Hòa, U Minh Thượng.	U Minh Thượng, Vĩnh Thuận
7	Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh An Giang: Đông Hòa, Tân Thạnh, Đông Hưng, An Minh, Vân Khánh, Tây Yên, Đông Thái, An Biên.	An Biên, An Minh
8	Tòa án nhân dân khu vực 8 - An Giang	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh An Giang: Hà Tiên, Tô Châu, Tiên Hải, Hòa Điền, Kiên Lương, Sơn Hải, Hòn Nghệ, Giang Thành, Vĩnh Điều.	Hà Tiên, Kiên Lương, Giang Thành
9	Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang	Đối với 04 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh An Giang: Mỹ Hòa Hưng, Long	Long Xuyên

STT	Tên của Tòa án nhân dân khu vực	Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực	Tòa án nhân dân khu vực kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện sau đây
		Xuyên, Bình Đức, Mỹ Thới.	
10	Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh An Giang: An Châu, Bình Hòa, Cần Đăng, Vĩnh Hanh, Vĩnh An, Thoại Sơn, Óc Eo, Định Mỹ, Phú Hòa, Vĩnh Trạch, Tây Phú.	Châu Thành (An Giang), Thoại Sơn,
11	Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh An Giang: Chợ Mới, Cù Lao Giêng, Hội An, Long Điền, Nhơn Mỹ, Long Kiến.	Chợ Mới
12	Tòa án nhân dân khu vực 12 - An Giang	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh An Giang: Phú Tân, Phú An, Bình Thạnh Đông, Chợ Vàm, Hòa Lạc, Phú Lâm.	Phú Tân
13	Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh An Giang: Châu Đốc, Vĩnh Tế, Châu Phú, Mỹ Đức, Vĩnh Thạnh Trung, Bình Mỹ, Thạnh Mỹ Tây.	Châu Đốc, Châu Phú
14	Tòa án nhân dân khu vực 14 - An Giang	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh An Giang: An Cư, Núi Cấm, Tịnh Biên, Thới Sơn, Chi Lăng, Ba Chúc, Tri Tôn, Ô Lâm, Cô Tô, Vĩnh Gia.	Tịnh Biên, Tri Tôn
15	Tòa án nhân dân khu vực 15 - An Giang	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh An Giang: An Phú, Vĩnh Hậu, Nhơn Hội, Khánh Bình, Phú Hữu, Tân An, Châu Phong, Vĩnh Xương, Tân Châu, Long Phú.	An Phú, Tân Châu
2. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Bắc Ninh (09 đơn vị)			
16	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Bắc Ninh	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Bắc Ninh: Đồng Việt, Bắc Giang, Đa Mai, Tiên Phong, Tân An, Yên Dũng, Tân Tiến, Cảnh Thụy.	thành phố Bắc Giang
17	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Bắc Ninh: Hợp Thịnh, Hiệp Hòa, Hoàng Văn, Xuân Cầm, Tụ Lạn, Việt Yên, Nénh, Vân Hà.	Việt Yên, Hiệp Hòa
18	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Bắc Ninh: Yên Thế, Bó Hạ, Đông Kỳ, Xuân Lương, Tam Tiến, Tân Yên, Ngọc Thiện, Nhã Nam, Phúc Hòa, Quang Trung.	Tân Yên, Yên Thế
19	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh	Đối với 13 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Bắc Ninh: Lục Sơn, Trường Sơn, Cẩm Lý, Đông Phú, Nghĩa Phương, Lục Nam, Bắc Lũng, Bảo Đài, Lạng Giang, Mỹ Thái, Kép, Tân Đình, Tiên Lục.	Lục Nam, Lạng Giang

STT	Tên của Tòa án nhân dân khu vực	Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực	Tòa án nhân dân khu vực kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện sau đây
20	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh	Đối với 19 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Bắc Ninh: Đại Sơn, Sơn Động, Tây Yên Tử, Dương Hưu, Yên Định, An Lạc, Vân Sơn, Biền Động, Lục Ngạn, Đèo Gia, Sơn Hải, Tân Sơn, Biên Sơn, Sa Lý, Nam Dương, Kiên Lao, Chũ, Phượng Sơn, Tuấn Đạo.	Chũ, Lục Ngạn, Sơn Động
21	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Bắc Ninh	Đối với 05 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Bắc Ninh: Kinh Bắc, Võ Cường, Vũ Ninh, Hạp Lĩnh, Nam Sơn.	thành phố Bắc Ninh
22	Tòa án nhân dân khu vực 7 - Bắc Ninh	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Bắc Ninh: Từ Sơn, Tam Sơn, Đồng Nguyên, Phù Khê, Yên Phong, Văn Môn, Tam Giang, Yên Trung, Tam Đa.	Yên Phong, Từ Sơn
23	Tòa án nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Bắc Ninh: Quế Võ, Phương Liễu, Nhân Hòa, Đào Viên, Bồng Lai, Chi Lăng, Phù Lãng, Tiên Du, Liên Bảo, Tân Chi, Đại Đồng, Phật Tích.	Quế Võ, Tiên Du
24	Tòa án nhân dân khu vực 9 - Bắc Ninh	Đối với 15 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Bắc Ninh: Thuận Thành, Mão Điền, Trạm Lộ, Trí Quả, Song Liễu, Ninh Xá, Gia Bình, Nhân Thắng, Đại Lai, Cao Đức, Đông Cứu, Lương Tài, Lâm Thao, Trung Chính, Trung Khê.	Thuận Thành, Gia Bình, Lương Tài
3. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Cà Mau (09 đơn vị)			
25	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau	Đối với 04 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cà Mau: An Xuyên, Lý Văn Lâm, Tân Thành, Hòa Thành.	thành phố Cà Mau
26	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cà Mau	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cà Mau: U Minh, Nguyễn Phích, Khánh Lâm, Khánh An, Thới Bình, Trí Phái, Tân Lộc, Hồ Thị Kỳ, Biền Bạch.	Thới Bình, U Minh
27	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cà Mau: Khánh Bình, Đá Bạc, Khánh Hưng, Sông Đốc, Trần Văn Thời, Cái Đồi Vàm, Nguyễn Việt Khái, Phú Tân, Phú Mỹ.	Trần Văn Thời, Phú Tân
28	Tòa án nhân dân	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã	Cái Nước, Đầm Dơi

STT	Tên của Tòa án nhân dân khu vực	Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực	Tòa án nhân dân khu vực kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện sau đây
	khu vực 4 - Cà Mau	thuộc tỉnh Cà Mau: Tân Thuận, Tân Tiến, Tạ An Khương, Trần Phán, Thanh Tùng, Đầm Dơi, Quách Phẩm, Lương Thế Trân, Tân Hưng, Hưng Mỹ, Cái Nước.	
29	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cà Mau	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cà Mau: Phan Ngọc Hiền, Đất Mũi, Tân Ân, Đất Mới, Năm Căn, Tam Giang.	Năm Căn, Ngọc Hiền
30	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cà Mau	Đối với 03 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cà Mau: Bạc Liêu, Vĩnh Trạch, Hiệp Thành.	thành phố Bạc Liêu
31	Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cà Mau	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cà Mau: Hòa Bình, Vĩnh Mỹ, Vĩnh Hậu, Vĩnh Lợi, Hưng Hội, Châu Thới.	Hòa Bình, Vĩnh Lợi
32	Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cà Mau	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cà Mau: Giá Rai, Láng Tròn, Phong Thạnh, Gành Hào, Định Thành, An Trạch, Long Điền, Đông Hải.	Đông Hải, Giá Rai
33	Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cà Mau	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cà Mau: Hồng Dân, Vĩnh Lộc, Ninh Thạnh Lợi, Ninh Quới, Phước Long, Vĩnh Phước, Phong Hiệp, Vĩnh Thanh.	Hồng Dân, Phước Long
4. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Cao Bằng (05 đơn vị)			
34	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cao Bằng	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cao Bằng: Thục Phán, Nùng Trí Cao, Tân Giang, Hòa An, Nam Tuấn, Bạch Đằng, Nguyễn Huệ.	thành phố Cao Bằng, Hòa An
35	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cao Bằng	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cao Bằng: Minh Khai, Canh Tân, Kim Đồng, Thạch An, Đông Khê, Đức Long, Phục Hòa, Bế Văn Đàn, Độc Lập, Quảng Uyên, Hạnh Phúc.	Quảng Hòa, Thạch An
36	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cao Bằng: Quang Hán, Trà Lĩnh, Quang Trung, Đoàn Dương, Trùng Khánh, Đàm Thủy, Đình Phong, Lý Quốc, Hạ Lang, Vĩnh Quý, Quang Long.	Trùng Khánh, Hạ Lang
37	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cao Bằng	Đối với 14 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cao Bằng: Ca Thành, Phan Thanh, Thành Công, Tĩnh Túc, Tam Kim, Nguyên	Nguyên Bình, Hà Quảng

STT	Tên của Tòa án nhân dân khu vực	Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực	Tòa án nhân dân khu vực kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện sau đây
		Bình, Minh Tâm, Thanh Long, Cần Yên, Thông Nông, Trường Hà, Hà Quảng, Lũng Nặm, Tổng Cọt.	
38	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cao Bằng	Đối với 13 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cao Bằng: Quảng Lâm, Nam Quang, Lý Bôn, Bảo Lâm, Yên Thổ, Sơn Lộ, Hưng Đạo, Bảo Lạc, Cốc Pàng, Cô Ba, Khánh Xuân, Xuân Trường, Huy Giáp.	Bảo Lạc, Bảo Lâm
5. Tòa án nhân dân khu vực tại thành phố Cần Thơ (14 đơn vị)			
39	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ	Đối với 04 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Cần Thơ: Ninh Kiều, Cái Khế, Tân An, An Bình.	Ninh Kiều
40	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Cần Thơ: Thới An Đông, Bình Thủy, Long Tuyền, Ô Môn, Phước Thới, Thới Long.	Bình Thủy, Ô Môn
41	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Cần Thơ: Cái Răng, Hưng Phú, Phong Điền, Nhơn Ái, Trường Long, Thới Lai, Đông Thuận, Trường Xuân, Trường Thành.	Cái Răng, Phong Điền, Thới Lai
42	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ	Đối với 13 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Cần Thơ: Trung Nhứt, Thốt Nốt, Thuận Hưng, Tân Lộc, Cờ Đỏ, Đông Hiệp, Thạnh Phú, Thới Hưng, Trung Hưng, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Trinh, Thạnh An, Thạnh Quới.	Cờ Đỏ, Thốt Nốt, Vĩnh Thạnh
43	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cần Thơ	Đối với 03 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Cần Thơ: Phú Lợi, Sóc Trăng, Mỹ Xuyên.	thành phố Sóc Trăng
44	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cần Thơ	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Cần Thơ: Phú Tâm, An Ninh, Thuận Hòa, Hồ Đắc Kiện, Mỹ Tú, Long Hưng, Mỹ Phước, Mỹ Hương.	Châu Thành (Sóc Trăng), Mỹ Tú
45	Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Cần Thơ: Ngã Năm, Mỹ Quới, Tân Long, Phú Lộc, Vĩnh Lợi, Lâm Tân.	Ngã Năm, Thạnh Trị
46	Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Cần Thơ: Hòa Tú, Gia Hòa, Nhu Gia, Ngọc Tố, Vĩnh Hải, Lai Hòa, Vĩnh Phước, Vĩnh Châu, Khánh Hòa.	Mỹ Xuyên, Vĩnh Châu
47	Tòa án nhân dân khu	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã	Trần Đề, Long Phú, Cù

STT	Tên của Tòa án nhân dân khu vực	Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực	Tòa án nhân dân khu vực kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện sau đây
	vực 9 - Cần Thơ	thuộc thành phố Cần Thơ: Trường Khánh, Đại Ngãi, Tân Thạnh, Long Phú, Thạnh Thới An, Tài Văn, Liêu Tú, Lịch Hội Thượng, Trần Đề, An Thạnh, Cù Lao Dung.	Lao Dung
48	Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Cần Thơ: Nhơn Mỹ, Phong Năm, An Lạc Thôn, Kế Sách, Thới An Hội, Đại Hải.	Kế Sách
49	Tòa án nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Cần Thơ: Hòa Lựu, Vị Thanh, Vị Tân, Vị Thủy, Vị Thanh 1, Vĩnh Tường.	Vị Thanh, Vị Thủy
50	Tòa án nhân dân khu vực 12 - Cần Thơ	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Cần Thơ: Vĩnh Thuận Đông, Vĩnh Viễn, Xà Phiên, Lương Tâm, Long Bình, Long Mỹ, Long Phú 1.	huyện Long Mỹ, thị xã Long Mỹ
51	Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Cần Thơ: Đại Thành, Ngã Bảy, Tân Bình, Hòa An, Phương Bình, Tân Phước Hưng, Hiệp Hưng, Phụng Hiệp, Thạnh Hòa.	Ngã Bảy, Phụng Hiệp
52	Tòa án nhân dân khu vực 14 - Cần Thơ	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Cần Thơ: Thạnh Xuân, Tân Hòa, Trường Long Tây, Châu Thành, Đông Phước, Phú Hữu.	Châu Thành (Hậu Giang), Châu Thành A
6. Tòa án nhân dân khu vực tại thành phố Đà Nẵng (12 đơn vị)			
53	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng	Đối với 03 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Đà Nẵng: Hải Châu, Hòa Cường, Hòa Xuân.	Hải Châu
54	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng	Đối với 04 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Đà Nẵng: An Hải, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, Hoàng Sa.	Sơn Trà, Hoàng Sa, Ngũ Hành Sơn
55	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng	Đối với 03 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Đà Nẵng: Thanh Khê, An Khê, Cẩm Lệ.	Cẩm Lệ, Thanh Khê
56	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Đà Nẵng: Hòa Vang, Hòa Tiến, Bà Nà, Hòa Khánh, Hải Vân, Liên Chiểu.	Hòa Vang, Liên Chiểu
57	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đà Nẵng	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Đà Nẵng: Núi Thành, Tam Mỹ, Tam Anh, Đức Phú, Tam Xuân, Tam Hải,	Tam Kỳ, Núi Thành

STT	Tên của Tòa án nhân dân khu vực	Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực	Tòa án nhân dân khu vực kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện sau đây
		Tam Kỳ, Quảng Phú, Hương Trà, Bàn Thạch.	
58	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Đà Nẵng: Thăng Bình, Thăng An, Thăng Trường, Thăng Điện, Thăng Phú, Đồng Dương, Quế Sơn Trung, Quế Sơn, Xuân Phú, Nông Sơn, Quế Phước.	Thăng Bình, Quế Sơn
59	Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đà Nẵng	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Đà Nẵng: Tây Hồ, Chiên Đàn, Phú Ninh, Lãnh Ngọc, Tiên Phước, Thanh Bình, Sơn Cẩm Hà.	Phú Ninh, Tiên Phước
60	Tòa án nhân dân khu vực 8 - Đà Nẵng	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Đà Nẵng: Trà Liên, Trà Giáp, Trà Tân, Trà Đốc, Trà My, Nam Trà My, Trà Tập, Trà Vân, Trà Linh, Trà Leng.	Bắc Trà My, Nam Trà My
61	Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đà Nẵng	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Đà Nẵng: Hiệp Đức, Việt An, Phước Trà, Khâm Đức, Phước Năng, Phước Chánh, Phước Thành, Phước Hiệp.	Phước Sơn, Hiệp Đức
62	Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đà Nẵng	Đối với 14 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Đà Nẵng: Duy Nghĩa, Nam Phước, Duy Xuyên, Thu Bồn, Điện Bàn Tây, Gò Nổi, Tân Hiệp, Điện Bàn, Điện Bàn Đông, An Thắng, Điện Bàn Bắc, Hội An, Hội An Đông, Hội An Tây.	Duy Xuyên, Điện Bàn, Hội An
63	Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đà Nẵng	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Đà Nẵng: Đại Lộc, Hà Nha, Thượng Đức, Vu Gia, Phú Thuận, Thạnh Mỹ, Bến Giằng, Nam Giang, Đắc Pring, La Dê, La Ê.	Nam Giang, Đại Lộc
64	Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đà Nẵng	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Đà Nẵng: Sông Vàng, Sông Kôn, Đông Giang, Bến Hiên, Avương, Tây Giang, Hùng Sơn.	Tây Giang, Đông Giang
7. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Đắk Lắk (15 đơn vị)			
65	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đắk Lắk: Hòa Phú, Buôn Ma Thuột, Tân An, Tân Lập, Thành Nhất, Ea Kao.	Buôn Ma Thuột
66	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đắk Lắk: Ea Súp, Ea Rôk, Ea	Ea Súp, Buôn Đôn

STT	Tên của Tòa án nhân dân khu vực	Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực	Tòa án nhân dân khu vực kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện sau đây
		Bung, Ia Rvê, Ia Lốp, Ea Wer, Ea Nuôl, Buôn Đôn.	
67	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đăk Lăk	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đăk Lăk: Ea Kiết, Ea M'Droh, Quảng Phú, Cuôr Đăng, Cư M'gar, Ea Tul.	Cư M'Gar
68	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đăk Lăk	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đăk Lăk: Krông Pắc, Ea Knuéc, Tân Tiến, Ea Phê, Ea Kly, Vụ Bôn.	Krông Pắc
69	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đăk Lăk	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đăk Lăk: Ea Ning, Dray Bhang, Ea Ktur, Krông Ana, Dur Kmäl, Ea Na.	Krông Ana, Cư Kuin
70	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đăk Lăk	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đăk Lăk: Hòa Sơn, Dang Kang, Krông Bông, Yang Mao, Cư Pui, Liên Sơn Lăk, Đăk Liêng, Nam Ka, Đăk Phoi, Krông Nô.	Lăk, Krông Bông
71	Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đăk Lăk	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đăk Lăk: Ea Kar, Ea Ô, Ea Knốp, Cư Yang, Ea Päl, M'Drăk, Ea Riêng, Cư M'ta, Krông Á, Cư Prao, Ea Trang.	Ea Kar, M'Drăk
72	Tòa án nhân dân khu vực 8 - Đăk Lăk	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đăk Lăk: Ea Drông, Buôn Hồ, Cư Bao, Pong Drang, Krông Búk, Cư Pong.	Krông Búk, Buôn Hồ
73	Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đăk Lăk	Đối với 05 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đăk Lăk: Ea Khăl, Ea Drăng, Ea Wy, Ea H'Leo, Ea Hiao.	Ea H'Leo
74	Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đăk Lăk	Đối với 04 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đăk Lăk: Krông Năng, Dliê Ya, Tam Giang, Phú Xuân.	Krông Năng
75	Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đăk Lăk	Đối với 03 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đăk Lăk: Tuy Hòa, Phú Yên, Bình Kiến.	Tuy Hòa
76	Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đăk Lăk	Đối với 03 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đăk Lăk: Hòa Xuân, Đông Hòa, Hòa Hiệp.	Đông Hòa
77	Tòa án nhân dân khu vực 13 - Đăk Lăk	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đăk Lăk: Phú Hòa 1, Phú Hòa 2, Tây Hòa, Hòa Thịnh, Hòa Mỹ, Sơn Thành.	Tây Hòa, Phú Hòa
78	Tòa án nhân dân khu vực 14 - Đăk Lăk	Đối với 14 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đăk Lăk: Xuân Thọ, Xuân Cảnh, Xuân	Đông Xuân, Sông Cầu, Tuy An

STT	Tên của Tòa án nhân dân khu vực	Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực	Tòa án nhân dân khu vực kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện sau đây
		Lộc, Xuân Đài, Sông Cầu, Tuy An Bắc, Tuy An Đông, Ô Loan, Tuy An Nam, Tuy An Tây, Xuân Lãnh, Phú Mỹ, Xuân Phước, Đồng Xuân.	
79	Tòa án nhân dân khu vực 15 - Đắk Lắk	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đắk Lắk: Sơn Hòa, Vân Hòa, Tây Sơn, Suối Trai, Ea Ly, Ea Bá, Đức Bình, Sông Hinh.	Sơn Hòa, Sông Hinh
8. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Điện Biên (05 đơn vị)			
80	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Điện Biên: Mường Phăng, Điện Biên Phủ, Mường Ảng, Nà Tấu, Búng Lao, Mường Lạn, Thanh Nưa.	Điện Biên Phủ, Mường Ảng
81	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Điện Biên	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Điện Biên: Thanh An, Thanh Yên, Sam Mứn, Núa Ngam, Mường Nhà, Na Son, Xa Dung, Pu Nhi, Mường Luân, Tìa Đình, Phình Giàng, Mường Thanh.	huyện Điện Biên, Điện Biên Đông
82	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Điện Biên	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Điện Biên: Tuần Giáo, Quài Tở, Mường Mùn, Pú Nhung, Chiềng Sinh, Tủa Chùa, Sín Chải, Sính Phình, Tủa Thàng, Sáng Nhè.	Tủa Chùa, Tuần Giáo
83	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Điện Biên	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Điện Biên: Mường Lay, Na Sang, Mường Tùng, Pa Ham, Nậm Nèn, Mường Pồn.	Mường Lay, Mường Chà
84	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Điện Biên	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Điện Biên: Mường Chà, Nà Hỳ, Nà Búng, Chà Tở, Si Pa Phìn, Mường Nhé, Sín Thầu, Mường Toong, Nậm Kè, Quảng Lâm.	Mường Nhé, Nậm Pồ
9. Tòa án nhân dân khu vực tại thành phố Đồng Nai⁶ (14 đơn vị)			
85	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Đồng Nai ⁷ : Biên Hòa, Trảng Biên,	Biên Hòa

⁶ Cụm từ “tỉnh Đồng Nai” được thay thế bởi cụm từ “thành phố Đồng Nai” theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết số 04/2026/UBTVQH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2026.

⁷ Cụm từ “tỉnh Đồng Nai” được thay thế bởi cụm từ “thành phố Đồng Nai” theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết số 04/2026/UBTVQH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của

STT	Tên của Tòa án nhân dân khu vực	Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực	Tòa án nhân dân khu vực kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện sau đây
		Tam Hiệp, Long Bình, Long Hưng, Phước Tân, Tam Phước, Trảng Dài, Tân Triều.	
86	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Đồng Nai ⁸ : Đại Phước, Nhơn Trạch, Phước An, Phước Thái, Long Phước, Bình An, Long Thành, An Phước.	Nhơn Trạch, Long Thành
87	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Đồng Nai ⁹ : Hồ Nai, An Viễn, Bình Minh, Trảng Bom, Bàu Hàm, Hưng Thịnh, Trị An, Tân An, Phú Lý.	Vĩnh Cửu, Trảng Bom
88	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Đồng Nai ¹⁰ : Dầu Giây, Gia Kiệm, Bình Lộc, Bảo Vinh, Xuân Lập, Long Khánh, Hàng Gòn.	Thống Nhất, Long Khánh
89	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đồng Nai	Đối với 05 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Đồng Nai ¹¹ : Xuân Quế, Xuân Đường, Cẩm Mỹ, Sông Ray, Xuân Đông.	Cẩm Mỹ
90	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc	Xuân Lộc

Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2026.

⁸ Cụm từ “tỉnh Đồng Nai” được thay thế bởi cụm từ “thành phố Đồng Nai” theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết số 04/2026/UBTVQH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2026.

⁹ Cụm từ “tỉnh Đồng Nai” được thay thế bởi cụm từ “thành phố Đồng Nai” theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết số 04/2026/UBTVQH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2026.

¹⁰ Cụm từ “tỉnh Đồng Nai” được thay thế bởi cụm từ “thành phố Đồng Nai” theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết số 04/2026/UBTVQH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2026.

¹¹ Cụm từ “tỉnh Đồng Nai” được thay thế bởi cụm từ “thành phố Đồng Nai” theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết số 04/2026/UBTVQH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2026.

STT	Tên của Tòa án nhân dân khu vực	Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực	Tòa án nhân dân khu vực kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện sau đây
		thành phố Đồng Nai ¹² : Xuân Định, Xuân Phú, Xuân Lộc, Xuân Hòa, Xuân Thành, Xuân Bắc.	
91	Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đồng Nai	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Đồng Nai ¹³ : Thống Nhất, La Ngà, Định Quán, Phú Vinh, Phú Hòa, Thanh Sơn.	Định Quán
92	Tòa án nhân dân khu vực 8 - Đồng Nai	Đối với 05 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Đồng Nai ¹⁴ : Tà Lài, Nam Cát Tiên, Tân Phú, Phú Lâm, Đak Lua.	Tân Phú
93	Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Nai	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Đồng Nai ¹⁵ : Đồng Xoài, Bình Phước, Thuận Lợi, Đồng Tâm, Tân Lợi, Đồng Phú.	Đồng Xoài, Đồng Phú
94	Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Đồng Nai ¹⁶ : Minh Hưng, Chơn Thành, Nha Bích, Tân Quan, Tân Hưng, Tân Khai, Minh Đức, Bình Long, An Lộc.	Chơn Thành, Hớn Quản, Bình Long

¹² Cụm từ “tỉnh Đồng Nai” được thay thế bởi cụm từ “thành phố Đồng Nai” theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết số 04/2026/UBTVQH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2026.

¹³ Cụm từ “tỉnh Đồng Nai” được thay thế bởi cụm từ “thành phố Đồng Nai” theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết số 04/2026/UBTVQH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2026.

¹⁴ Cụm từ “tỉnh Đồng Nai” được thay thế bởi cụm từ “thành phố Đồng Nai” theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết số 04/2026/UBTVQH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2026.

¹⁵ Cụm từ “tỉnh Đồng Nai” được thay thế bởi cụm từ “thành phố Đồng Nai” theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết số 04/2026/UBTVQH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2026.

¹⁶ Cụm từ “tỉnh Đồng Nai” được thay thế bởi cụm từ “thành phố Đồng Nai” theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết số 04/2026/UBTVQH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2026.

STT	Tên của Tòa án nhân dân khu vực	Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực	Tòa án nhân dân khu vực kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện sau đây
95	Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Nai	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Đồng Nai ¹⁷ : Phước Bình, Phước Long, Bình Tân, Long Hà, Phú Riềng, Phú Trung.	Phước Long, Phú Riềng
96	Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Đồng Nai ¹⁸ : Phước Sơn, Nghĩa Trung, Bù Đăng, Thọ Sơn, Đak Nhau, Bom Bo.	Bù Đăng
97	Tòa án nhân dân khu vực 13 - Đồng Nai	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Đồng Nai ¹⁹ : Tân Tiến, Thiện Hưng, Hưng Phước, Phú Nghĩa, Đa Kia, Bù Gia Mập, Đăk Ô.	Bù Gia Mập, Bù Đốp
98	Tòa án nhân dân khu vực 14 - Đồng Nai	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Đồng Nai ²⁰ : Lộc Thành, Lộc Ninh, Lộc Hưng, Lộc Tấn, Lộc Thạnh, Lộc Quang.	Lộc Ninh
10. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Đồng Tháp (12 đơn vị)			
99	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Tháp	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đồng Tháp: Mỹ Tho, Đạo Thạnh, Mỹ Phong, Thới Sơn, Trung An, Mỹ Tịnh An, Lương Hòa Lạc, Tân Thuận Bình, Chợ Gạo, An Thạnh Thủy, Bình Ninh.	Mỹ Tho, Chợ Gạo

¹⁷ Cụm từ “tỉnh Đồng Nai” được thay thế bởi cụm từ “thành phố Đồng Nai” theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết số 04/2026/UBTVQH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2026.

¹⁸ Cụm từ “tỉnh Đồng Nai” được thay thế bởi cụm từ “thành phố Đồng Nai” theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết số 04/2026/UBTVQH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2026.

¹⁹ Cụm từ “tỉnh Đồng Nai” được thay thế bởi cụm từ “thành phố Đồng Nai” theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết số 04/2026/UBTVQH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2026.

²⁰ Cụm từ “tỉnh Đồng Nai” được thay thế bởi cụm từ “thành phố Đồng Nai” theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết số 04/2026/UBTVQH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2026.

STT	Tên của Tòa án nhân dân khu vực	Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực	Tòa án nhân dân khu vực kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện sau đây
100	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp	Đối với 16 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đồng Tháp: Gò Công, Long Thuận, Sơn Qui, Bình Xuân, Vĩnh Bình, Đồng Sơn, Phú Thành, Long Bình, Vĩnh Hựu, Gò Công Đông, Tân Điền, Tân Hòa, Tân Đông, Gia Thuận, Tân Thới, Tân Phú Đông.	Gò Công Tây, Gò Công, Gò Công Đông, Tân Phú Đông
101	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Tháp	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đồng Tháp: Tân Phước 1, Tân Phước 2, Tân Phước 3, Hưng Thạnh, Tân Hương, Châu Thành, Long Hưng, Long Định, Vĩnh Kim, Kim Sơn, Bình Trung.	Châu Thành (Tiền Giang), Tân Phước
102	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Tháp	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đồng Tháp: Mỹ Phước Tây, Thanh Hòa, Cai Lậy, Nhị Quý, Tân Phú, Bình Phú, Hiệp Đức, Ngũ Hiệp, Long Tiên, Mỹ Thành, Thạnh Phú.	huyện Cai Lậy, thị xã Cai Lậy
103	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đồng Tháp	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đồng Tháp: Thanh Hưng, An Hữu, Mỹ Lợi, Mỹ Đức Tây, Mỹ Thiện, Hậu Mỹ, Hội Cư, Cái Bè.	Cái Bè
104	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp	Đối với 02 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đồng Tháp: Cao Lãnh, Mỹ Ngãi.	thành phố Cao Lãnh
105	Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đồng Tháp	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đồng Tháp: Mỹ An Hưng, Tân Khánh Trung, Lấp Vò, Lai Vung, Hòa Long, Phong Hòa, Tân Dương.	Lấp Vò, Lai Vung
106	Tòa án nhân dân khu vực 8 - Đồng Tháp	Đối với 04 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đồng Tháp: Sa Đéc, Phú Hựu, Tân Nhuận Đông, Tân Phú Trung.	Châu Thành (Đồng Tháp), Sa Đéc
107	Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Tháp	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đồng Tháp: Phong Mỹ, Ba Sao, Mỹ Thọ, Bình Hàng Trung, Mỹ Hiệp, Mỹ Trà.	huyện Cao Lãnh
108	Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Tháp	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đồng Tháp: Tháp Mười, Thanh Mỹ, Mỹ Quý, Đốc Binh Kiều, Trường Xuân, Phương Thịnh.	Tháp Mười
109	Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đồng Tháp: An Hòa, Tam Nông, Phú Thọ, Tràm Chim, Phú Cường, An Long, Thanh Bình, Tân Thạnh, Bình Thành, Tân	Tam Nông, Thanh Bình

STT	Tên của Tòa án nhân dân khu vực	Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực	Tòa án nhân dân khu vực kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện sau đây
		Long.	
110	Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đồng Tháp: Tân Hồng, Tân Thành, Tân Hộ Cơ, An Phước, An Bình, Hồng Ngự, Thường Lạc, Thường Phước, Long Khánh, Long Phú Thuận.	thành phố Hồng Ngự, huyện Hồng Ngự, Tân Hồng
11. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Gia Lai (14 đơn vị)			
111	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Gia Lai	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Gia Lai: Quy Nhơn, Quy Nhơn Đông, Quy Nhơn Tây, Quy Nhơn Nam, Quy Nhơn Bắc, Nhơn Châu.	Quy Nhơn
112	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Gia Lai	Đối với 13 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Gia Lai: Bình Định, An Nhơn, An Nhơn Đông, An Nhơn Nam, An Nhơn Bắc, An Nhơn Tây, Tuy Phước, Tuy Phước Đông, Tuy Phước Tây, Tuy Phước Bắc, Vân Canh, Canh Vinh, Canh Liên.	An Nhơn, Tuy Phước, Vân Canh
113	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Gia Lai	Đối với 14 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Gia Lai: Phù Cát, Xuân An, Ngô Mây, Cát Tiến, Đê Gi, Hòa Hội, Hội Sơn, Phù Mỹ, An Lương, Bình Dương, Phù Mỹ Đông, Phù Mỹ Tây, Phù Mỹ Nam, Phù Mỹ Bắc.	Phù Mỹ, Phù Cát
114	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Gia Lai	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Gia Lai: Tây Sơn, Bình Khê, Bình Phú, Bình Hiệp, Bình An, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Thịnh, Vĩnh Quang, Vĩnh Sơn.	Vĩnh Thạnh, Tây Sơn
115	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Gia Lai	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Gia Lai: Hoài Ân, Ân Tường, Kim Sơn, Vạn Đức, Ân Hảo, An Hòa, An Lão, An Vinh, An Toàn.	An Lão, Hoài Ân
116	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Gia Lai: Bồng Sơn, Hoài Nhơn, Tam Quan, Hoài Nhơn Đông, Hoài Nhơn Tây, Hoài Nhơn Nam, Hoài Nhơn Bắc.	Hoài Nhơn
117	Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Gia Lai: Pleiku, Hội Phú, Thống Nhất, Diên Hồng, An Phú, Biển Hồ, Gào.	Pleiku
118	Tòa án nhân dân khu vực 8 - Gia Lai	Đối với 14 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Gia Lai: Chư Prông, Bàu Cạn, Ia Boong, Ia Lâu, Ia Pia, Ia Tôr, Đức Cơ, Ia Đok, Ia Krêl, Ia Púch, Ia Mơ, Ia Pnôn, Ia	Đức Cơ, Chư Prông

STT	Tên của Tòa án nhân dân khu vực	Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực	Tòa án nhân dân khu vực kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện sau đây
		Nan, Ia Dom.	
119	Tòa án nhân dân khu vực 9 - Gia Lai	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Gia Lai: Ia Ly, Chư Păh, Ia Khuơl, Ia Phí, Ia Grai, Ia Krái, Ia Hrung, Ia Chia, Ia O.	Ia Grai, Chư Păh
120	Tòa án nhân dân khu vực 10 - Gia Lai	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Gia Lai: Đak Đoa, Kon Gang, Ia Băng, KDang, Đak Somei, Mang Yang, Lơ Pang, Kon Chiêng, Hra, Ayun.	Đak Đoa, Mang Yang
121	Tòa án nhân dân khu vực 11 - Gia Lai	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Gia Lai: Chư Sê, Bờ Ngoong, Ia Ko, Al Bá, Chư Puh, Ia Le, Ia Hnú.	Chư Sê, Chư Puh
122	Tòa án nhân dân khu vực 12 - Gia Lai	Đối với 13 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Gia Lai: Ayun Pa, Ia Rbol, Ia Sao, Phú Thiện, Chư A Thai, Ia Hiao, Pờ Tó, Ia Pa, Ia Tul, Phú Túc, Ia Dreh, Ia Rсай, Uar.	Ayun Pa, Krông Pa, Phú Thiện, Ia Pa
123	Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Gia Lai: An Khê, An Bình, Cửu An, Đak Pơ, Ya Hội, Kông Chro, Ya Ma, Chư Krey, SRó, Đăk Song, Chơ Long.	An Khê, Đak Pơ, Kông Chro
124	Tòa án nhân dân khu vực 14 - Gia Lai	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Gia Lai: Kbang, Kông Bơ La, Tơ Tung, Sơn Lang, Đak Rong, Krong.	Kbang
12. Tòa án nhân dân khu vực tại thành phố Hà Nội (12 đơn vị)			
125	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Nội	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hà Nội: Hoàn Kiếm, Cửa Nam, Ba Đình, Ngọc Hà, Giảng Võ, Hồng Hà, Tây Hồ, Phú Thượng.	Ba Đình, Tây Hồ, Hoàn Kiếm
126	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hà Nội: Đống Đa, Kim Liên, Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Láng, Ô Chợ Dừa, Thanh Xuân, Khương Đình, Phương Liệt.	Đống Đa, Thanh Xuân
127	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Nội	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hà Nội: Hai Bà Trưng, Vĩnh Tuy, Bạch Mai, Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Vĩnh Hưng, Tương Mai, Định Công, Hoàng Liệt, Yên Sở.	Hai Bà Trưng, Hoàng Mai
128	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hà Nội	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hà Nội: Cầu Giấy, Nghĩa Đô,	Cầu Giấy, Nam Từ Liêm, Bắc Từ Liêm

STT	Tên của Tòa án nhân dân khu vực	Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực	Tòa án nhân dân khu vực kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện sau đây
		Yên Hòa, Tây Tựu, Phú Diễn, Xuân Đình, Đông Ngạc, Thượng Cát, Từ Liêm, Xuân Phương, Tây Mỗ, Đại Mỗ.	
129	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hà Nội	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hà Nội: Long Biên, Bồ Đề, Việt Hưng, Phúc Lợi, Gia Lâm, Thuận An, Bát Tràng, Phù Đổng.	Gia Lâm, Long Biên
130	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hà Nội	Đối với 15 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hà Nội: Hà Đông, Dương Nội, Yên Nghĩa, Phú Lương, Kiến Hưng, Thanh Oai, Bình Minh, Tam Hưng, Dân Hòa, Chương Mỹ, Phú Nghĩa, Xuân Mai, Trần Phú, Hòa Phú, Quảng Bị.	Chương Mỹ, Hà Đông, Thanh Oai
131	Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hà Nội	Đối với 14 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hà Nội: Thụ Lâm, Đông Anh, Phúc Thịnh, Thiên Lộc, Vĩnh Thanh, Mê Linh, Yên Lãng, Tiến Thắng, Quang Minh, Sóc Sơn, Đa Phúc, Nội Bài, Trung Giã, Kim Anh.	Mê Linh, Sóc Sơn, Đông Anh
132	Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hà Nội	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hà Nội: Hoài Đức, Dương Hòa, Sơn Đồng, An Khánh, Đan Phượng, Ô Diên, Liên Minh.	Hoài Đức, Đan Phượng
133	Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hà Nội	Đối với 14 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hà Nội: Minh Châu, Quảng Oai, Vật Lại, Cổ Đô, Bất Bạt, Suối Hai, Ba Vì, Yên Bài, Sơn Tây, Tùng Thiện, Đoài Phương, Phúc Thọ, Phúc Lộc, Hát Môn.	Phúc Thọ, Ba Vì, Sơn Tây
134	Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hà Nội	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hà Nội: Thạch Thất, Hạ Bằng, Tây Phương, Hòa Lạc, Yên Xuân, Quốc Oai, Hưng Đạo, Kiều Phú, Phú Cát.	Thạch Thất, Quốc Oai
135	Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hà Nội	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hà Nội: Thanh Trì, Đại Thanh, Nam Phù, Ngọc Hồi, Thanh Liệt, Thượng Phúc, Thường Tín, Chương Dương, Hồng Vân, Phú Xuyên.	Thanh Trì, Thường Tín
136	Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hà Nội: Phượng Dực, Chuyên Mỹ, Đại Xuyên, Vân Đình, Ứng Thiên, Hòa	Phú Xuyên, Mỹ Đức, Ứng Hòa

STT	Tên của Tòa án nhân dân khu vực	Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực	Tòa án nhân dân khu vực kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện sau đây
		Xá, Ứng Hòa, Mỹ Đức, Hồng Sơn, Phúc Sơn, Hương Sơn.	
13. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Hà Tĩnh (05 đơn vị)			
137	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh	Đối với 22 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Hà Tĩnh: Cẩm Xuyên, Thiên Cẩm, Cẩm Duệ, Cẩm Hưng, Cẩm Lạc, Cẩm Trung, Yên Hòa, Thành Sen, Trần Phú, Hà Huy Tập, Thạch Lạc, Đồng Tiến, Thạch Khê, Cẩm Bình, Thạch Hà, Toàn Lưu, Việt Xuyên, Đông Kinh, Thạch Xuân, Lộc Hà, Hồng Lộc, Mai Phụ.	thành phố Hà Tĩnh, Cẩm Xuyên, Thạch Hà
138	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Tĩnh	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Hà Tĩnh: Sông Trí, Hải Ninh, Hoàn Sơn, Vũng Áng, Kỳ Xuân, Kỳ Anh, Kỳ Hoa, Kỳ Văn, Kỳ Khang, Kỳ Lạc, Kỳ Thượng.	huyện Kỳ Anh, thị xã Kỳ Anh
139	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh	Đối với 17 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Hà Tĩnh: Can Lộc, Tùng Lộc, Gia Hanh, Trường Lưu, Xuân Lộc, Đồng Lộc, Bắc Hồng Lĩnh, Nam Hồng Lĩnh, Tiên Điền, Nghi Xuân, Cổ Đạm, Đan Hải, Đức Thọ, Đức Quang, Đức Đồng, Đức Thịnh, Đức Minh.	Can Lộc, Đức Thọ, Nghi Xuân, Hồng Lĩnh
140	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hà Tĩnh	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Hà Tĩnh: Hương Khê, Hương Phố, Hương Đô, Hà Linh, Hương Bình, Phúc Trạch, Hương Xuân.	Hương Khê
141	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hà Tĩnh	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Hà Tĩnh: Hương Sơn, Sơn Tây, Tú Mỹ, Sơn Giang, Sơn Tiến, Sơn Hồng, Kim Hoa, Vũ Quang, Mai Hoa, Thượng Đức, Sơn Kim 1, Sơn Kim 2.	Hương Sơn, Vũ Quang
14. Tòa án nhân dân khu vực tại thành phố Hải Phòng (13 đơn vị)			
142	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hải Phòng: Thủy Nguyên, Thiên Hương, Hoà Bình, Nam Triệu, Bạch Đằng, Lưu Kiếm, Lê Ích Mộc, Việt Khê.	Thủy Nguyên
143	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hải Phòng: An Dương, An Hải, An Phong, An Hưng, An Khánh, An	An Dương, An Lão

STT	Tên của Tòa án nhân dân khu vực	Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực	Tòa án nhân dân khu vực kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện sau đây
		Quang, An Trường, An Lão.	
144	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng	Đối với 04 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hải Phòng: Hồng Bàng, Hồng An, Ngô Quyền, Gia Viên.	Ngô Quyền, Hồng Bàng
145	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng	Đối với 04 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hải Phòng: Hải An, Đông Hải, Cát Hải, Bạch Long Vĩ.	Bạch Long Vĩ, Cát Hải, Hải An
146	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hải Phòng	Đối với 04 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hải Phòng: Lê Chân, An Biên, Kiến An, Phù Liễn.	Kiến An, Lê Chân
147	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hải Phòng: Nam Đồ Sơn, Đồ Sơn, Hưng Đạo, Dương Kinh, Kiến Thụy, Kiến Minh, Kiến Hải, Kiến Hưng, Nghi Dương.	Dương Kinh, Kiến Thụy, Đồ Sơn
148	Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng	Đối với 13 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hải Phòng: Quyết Thắng, Tiên Lãng, Tân Minh, Tiên Minh, Chấn Hưng, Hùng Thắng, Vĩnh Bảo, Nguyễn Bình Khiêm, Vĩnh Am, Vĩnh Hải, Vĩnh Hòa, Vĩnh Thịnh, Vĩnh Thuận.	Tiên Lãng, Vĩnh Bảo
149	Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hải Phòng: Hải Dương, Lê Thanh Nghị, Thành Đông, Nam Đông, Tân Hưng, Thạch Khôi, Ái Quốc, Thanh Hà, Hà Tây, Hà Bắc, Hà Nam, Hà Đông.	thành phố Hải Dương, Thanh Hà
150	Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hải Phòng: Chu Văn An, Chí Linh, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Trần Nhân Tông, Lê Đại Hành, Nam Sách, Thái Tân, Hợp Tiến, Trần Phú, An Phú.	Nam Sách, Chí Linh
151	Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hải Phòng: Kinh Môn, Nguyễn Đại Năng, Trần Liễu, Bắc An Phụ, Phạm Sư Mạnh, Nhị Chiểu, Nam An Phụ, Phú Thái, Lai Khê, An Thành, Kim Thành.	Kim Thành, Kinh Môn
152	Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hải Phòng: Gia Lộc, Yết Kiêu, Gia Phúc, Trường Tân, Tứ Kỳ, Tân Kỳ, Đại Sơn, Chí Minh, Lạc Phượng, Nguyễn Giáp.	Gia Lộc, Tứ Kỳ
153	Tòa án nhân dân khu	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc	Bình Giang, Cẩm Giàng

STT	Tên của Tòa án nhân dân khu vực	Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực	Tòa án nhân dân khu vực kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện sau đây
	vực 12 - Hải Phòng	thành phố Hải Phòng: Việt Hòa, Cẩm Giang, Tuệ Tĩnh, Mao Điền, Cẩm Giàng, Kê Sặt, Bình Giang, Đường An, Thượng Hồng, Tứ Minh.	
154	Tòa án nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hải Phòng: Ninh Giang, Vĩnh Lại, Khúc Thừa Dụ, Tân An, Hồng Châu, Thanh Miện, Bắc Thanh Miện, Hải Hưng, Nguyễn Lương Bằng, Nam Thanh Miện.	Thanh Miện, Ninh Giang
15. Tòa án nhân dân khu vực tại Thành phố Hồ Chí Minh (19 đơn vị)			
155	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc Thành phố Hồ Chí Minh: Sài Gòn, Tân Định, Bến Thành, Cầu Ông Lãnh, Bàn Cờ, Xuân Hòa, Nhiêu Lộc, Xóm Chiếu, Khánh Hội, Vĩnh Hội.	Quận 3, Quận 1, Quận 4
156	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc Thành phố Hồ Chí Minh: Hiệp Bình, Thủ Đức, Tam Bình, Linh Xuân, Tăng Nhơn Phú, Long Bình, Long Phước, Long Trường, Cát Lái, Bình Trưng, Phước Long, An Khánh.	Thủ Đức
157	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc Thành phố Hồ Chí Minh: Chợ Quán, An Đông, Chợ Lớn, Bình Tây, Bình Tiên, Bình Phú, Phú Lâm, Minh Phụng, Bình Thới, Hòa Bình, Phú Thọ.	Quận 5, Quận 6, Quận 11
158	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc Thành phố Hồ Chí Minh: Diên Hồng, Vườn Lài, Hòa Hưng, Tân Sơn Hòa, Tân Sơn Nhất, Tân Hòa, Bảy Hiền, Tân Bình, Tân Sơn.	Quận 10, Tân Bình
159	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc Thành phố Hồ Chí Minh: Gia Định, Bình Thạnh, Bình Lợi Trung, Thạnh Mỹ Tây, Bình Quới, Đức Nhuận, Cầu Kiệu, Phú Nhuận.	Bình Thạnh, Phú Nhuận
160	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thành phố Hồ Chí Minh	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc Thành phố Hồ Chí Minh: Tân Thuận, Phú Thuận, Tân Mỹ, Tân Hưng, Bình Khánh, An Thới Đông, Cần Giờ, Nhà Bè, Hiệp Phước, Thạnh An.	Quận 7, Nhà Bè, Cần Giờ
161	Tòa án nhân dân khu	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc	Gò Vấp, Quận 12

STT	Tên của Tòa án nhân dân khu vực	Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực	Tòa án nhân dân khu vực kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện sau đây
	vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh: Đông Hưng Thuận, Trung Mỹ Tây, Tân Thới Hiệp, Thới An, An Phú Đông, Hạnh Thông, An Nhơn, Gò Vấp, An Hội Đông, Thông Tây Hội, An Hội Tây.	
162	Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc Thành phố Hồ Chí Minh: Củ Chi, Tân An Hội, Thái Mỹ, An Nhơn Tây, Nhuận Đức, Phú Hòa Đông, Bình Mỹ, Đông Thạnh, Hóc Môn, Xuân Thới Sơn, Bà Điểm.	Củ Chi, Hóc Môn
163	Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc Thành phố Hồ Chí Minh: An Lạc, Tân Tạo, Bình Tân, Bình Trị Đông, Bình Hưng Hòa, Tây Thạnh, Tân Sơn Nhì, Phú Thọ Hòa, Tân Phú, Phú Thạnh.	Tân Phú, Bình Tân
164	Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc Thành phố Hồ Chí Minh: Chánh Hưng, Phú Định, Bình Đông, Vĩnh Lộc, Tân Vĩnh Lộc, Bình Lợi, Tân Nhựt, Bình Chánh, Hưng Long, Bình Hưng.	Bình Chánh, Quận 8
165	Tòa án nhân dân khu vực 11 - Thành phố Hồ Chí Minh	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc Thành phố Hồ Chí Minh: Vũng Tàu, Tam Thắt, Rạch Dừa, Phước Thắt, Côn Đảo, Long Sơn.	Vũng Tàu, Côn Đảo
166	Tòa án nhân dân khu vực 12 - Thành phố Hồ Chí Minh	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Rịa, Long Hương, Phú Mỹ, Tam Long, Tân Thành, Tân Phước, Tân Hải, Châu Pha.	Phú Mỹ, Bà Rịa
167	Tòa án nhân dân khu vực 13 - Thành phố Hồ Chí Minh	Đối với 04 đơn vị hành chính cấp xã thuộc Thành phố Hồ Chí Minh: Phước Hải, Long Hải, Đất Đỏ, Long Điền.	Long Đất
168	Tòa án nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc Thành phố Hồ Chí Minh: Ngã Giao, Bình Giã, Kim Long, Châu Đức, Xuân Sơn, Nghĩa Thành, Hồ Tràm, Xuyên Mộc, Hòa Hội, Bàu Lâm, Hòa Hiệp, Bình Châu.	Châu Đức, Xuyên Mộc
169	Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh	Đối với 05 đơn vị hành chính cấp xã thuộc Thành phố Hồ Chí Minh: Bình Dương, Chánh Hiệp, Thủ Dầu Một, Phú Lợi, Phú An.	Thủ Dầu Một
170	Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc Thành phố Hồ Chí Minh: Đông Hòa, Dĩ An, Thuận An, Thuận Giao, Bình Hòa, Lái	Thuận An, Dĩ An

STT	Tên của Tòa án nhân dân khu vực	Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực	Tòa án nhân dân khu vực kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện sau đây
		Thiêu, An Phú, Tân Đông Hiệp.	
171	Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc Thành phố Hồ Chí Minh: Vĩnh Tân, Bình Cơ, Tân Uyên, Tân Hiệp, Tân Khánh, Bắc Tân Uyên, Thường Tân.	Tân Uyên, Bắc Tân Uyên
172	Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc Thành phố Hồ Chí Minh: Hòa Lợi, Tây Nam, Chánh Phú Hòa, Minh Thạnh, Long Hòa, Dầu Tiếng, Thanh An, Thới Hòa, Bến Cát, Long Nguyễn.	Bến Cát, Dầu Tiếng
173	Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc Thành phố Hồ Chí Minh: An Long, Phước Thành, Phước Hòa, Phú Giáo, Trừ Văn Thố, Bàu Bàng.	Bàu Bàng, Phú Giáo
16. Tòa án nhân dân khu vực tại thành phố Huế (04 đơn vị)			
174	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Huế	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Huế: Thuận An, Mỹ Thượng, Vỹ Dạ, Thuận Hóa, An Cựu, Thủy Xuân, Phú Vinh, Phú Hồ, Phú Vang, Dương Nỗ, Thanh Thủy.	Phú Vang, Thuận Hóa.
175	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Huế	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Huế: Hóa Châu, Kim Long, Hương An, Phú Xuân, Phong Quảng, Đan Điền, Quảng Điền.	Quảng Điền, Phú Xuân
176	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Huế	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Huế: Hương Trà, Kim Trà, Phong Điền, Phong Thái, Phong Dinh, Phong Phú, Bình Điền, A Lưới 1, A Lưới 2, A Lưới 3, A Lưới 4, A Lưới 5.	A Lưới, Hương Trà, Phong Điền
177	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Huế: Hương Thủy, Phú Bài, Vinh Lộc, Hưng Lộc, Lộc An, Phú Lộc, Chân Mây - Lăng Cô, Long Quảng, Nam Đông, Khe Tre.	Hương Thủy, Phú Lộc
17. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Hưng Yên (08 đơn vị)			
178	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên	Đối với 16 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Hưng Yên: Phố Hiến, Sơn Nam, Hồng Châu, Tân Hưng, Hoàng Hoa Thám, Tiên Lữ, Tiên Hoa, Quang Hưng, Đoàn Đào, Tiên Tiến, Tống Trân, Ân Thi, Xuân Trúc, Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Trãi, Hồng Quang.	thành phố Hưng Yên, Ân Thi, Phù Cừ, Tiên Lữ

STT	Tên của Tòa án nhân dân khu vực	Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực	Tòa án nhân dân khu vực kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện sau đây
179	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hưng Yên	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Hưng Yên: Mỹ Hào, Đường Hào, Thượng Hồng, Yên Mỹ, Việt Yên, Hoàn Long, Nguyễn Văn Linh.	Mỹ Hào, Yên Mỹ
180	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hưng Yên	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Hưng Yên: Lương Bằng, Nghĩa Dân, Hiệp Cường, Đức Hợp, Khoái Châu, Triệu Việt Vương, Việt Tiến, Chí Minh, Châu Ninh.	Khoái Châu, Kim Động
181	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Hưng Yên: Như Quỳnh, Lạc Đạo, Đại Đồng, Nghĩa Trụ, Phụng Công, Văn Giang, Mỹ Sở.	Văn Giang, Văn Lâm
182	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Hưng Yên: Thái Bình, Trần Lâm, Trần Hưng Đạo, Trà Lý, Vũ Phúc, Vũ Thư, Thư Trì, Tân Thuận, Thư Vũ, Vũ Tiên, Vạn Xuân.	thành phố Thái Bình, Vũ Thư
183	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên	Đối với 17 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Hưng Yên: Tiên Hải, Tây Tiên Hải, Ái Quốc, Đồng Châu, Đông Tiên Hải, Nam Cường, Hưng Phú, Nam Tiên Hải, Lê Lợi, Kiến Xương, Quang Lịch, Vũ Quý, Bình Thanh, Bình Định, Hồng Vũ, Bình Nguyên, Trà Giang.	Kiến Xương, Tiên Hải
184	Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên	Đối với 20 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Hưng Yên: Thái Thụy, Đông Thụy Anh, Bắc Thụy Anh, Thụy Anh, Nam Thụy Anh, Bắc Thái Ninh, Thái Ninh, Đông Thái Ninh, Nam Thái Ninh, Tây Thái Ninh, Tây Thụy Anh, Đông Hưng, Bắc Tiên Hưng, Đông Tiên Hưng, Nam Đông Hưng, Bắc Đông Quan, Bắc Đông Hưng, Đông Quan, Nam Tiên Hưng, Tiên Hưng.	Thái Thụy, Đông Hưng
185	Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên	Đối với 17 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Hưng Yên: Quỳnh Phụ, Minh Thọ, Nguyễn Du, Quỳnh An, Ngọc Lâm, Đồng Bằng, A Sào, Phụ Dực, Tân Tiến, Hưng Hà, Tiên La, Lê Quý Đôn, Hồng Minh, Thần Khê, Diên Hà, Ngự Thiên, Long Hưng.	Hưng Hà, Quỳnh Phụ
18. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Khánh Hòa (08 đơn vị)			
186	Tòa án nhân dân khu vực	Đối với 05 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh	Nha Trang, Trường Sa

STT	Tên của Tòa án nhân dân khu vực	Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực	Tòa án nhân dân khu vực kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện sau đây
	vực 1 - Khánh Hòa	Khánh Hòa: Nha Trang, Bắc Nha Trang, Tây Nha Trang, Nam Nha Trang, Trường Sa.	
187	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Khánh Hòa	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Khánh Hòa: Bắc Cam Ranh, Cam Ranh, Cam Linh, Ba Ngòi, Nam Cam Ranh, Cam Lâm, Suối Dầu, Cam Hiệp, Cam An, Khánh Sơn, Tây Khánh Sơn, Đông Khánh Sơn.	Khánh Sơn, Cam Lâm, Cam Ranh
188	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Khánh Hòa	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Khánh Hòa: Diên Khánh, Diên Lạc, Diên Điền, Diên Lâm, Diên Thọ, Suối Hiệp, Bắc Khánh Vĩnh, Trung Khánh Vĩnh, Tây Khánh Vĩnh, Nam Khánh Vĩnh, Khánh Vĩnh.	Khánh Vĩnh, Diên Khánh
189	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Khánh Hòa	Đối với 13 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Khánh Hòa: Bắc Ninh Hòa, Ninh Hòa, Tân Định, Đông Ninh Hòa, Hòa Thắng, Nam Ninh Hòa, Tây Ninh Hòa, Hòa Trí, Đại Lãnh, Tu Bông, Vạn Thắng, Vạn Ninh, Vạn Hưng.	Ninh Hòa, Vạn Ninh
190	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa	Đối với 04 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Khánh Hòa: Phan Rang, Đông Hải, Bảo An, Đô Vinh.	Phan Rang - Tháp Chàm
191	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Khánh Hòa	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Khánh Hòa: Ninh Hải, Xuân Hải, Vĩnh Hải, Thuận Bắc, Công Hải, Ninh Chữ.	Ninh Hải, Thuận Bắc
192	Tòa án nhân dân khu vực 7 - Khánh Hòa	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Khánh Hòa: Ninh Sơn, Lâm Sơn, Anh Dũng, Mỹ Sơn, Bác Ái Đông, Bác Ái, Bác Ái Tây.	Bác Ái, Ninh Sơn
193	Tòa án nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Khánh Hòa: Ninh Phước, Phước Hữu, Phước Hậu, Thuận Nam, Cà Ná, Phước Hà, Phước Dinh.	Ninh Phước, Thuận Nam
19. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Lai Châu (04 đơn vị)			
194	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lai Châu	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lai Châu: Bình Lư, Tả Lèng, Khun Há, Tân Phong, Đoàn Kết, Pu Sam Cáp.	thành phố Lai Châu, Tam Đường
195	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lai Châu	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lai Châu: Bản Bo, Mường Kim, Khoen On, Than Uyên, Mường Than, Pắc Ta, Nậm	Tân Uyên, Than Uyên

STT	Tên của Tòa án nhân dân khu vực	Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực	Tòa án nhân dân khu vực kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện sau đây
		Sỏ, Tân Uyên, Mường Khoa, Nậm Cuối, Nậm Mạ.	
196	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lai Châu: Sin Suối Hồ, Phong Thổ, Si Lở Lầu, Đào San, Khổng Lào, Tủa Sín Chải, Sìn Hồ, Hồng Thu, Nậm Tăm, Lê Lợi, Pa Tần.	Sìn Hồ, Phong Thổ
197	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lai Châu	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lai Châu: Nậm Hàng, Mường Mô, Hua Bum, Bum Nưa, Bum Tở, Mường Tè, Thu Lũm, Pa Ủ, Tà Tổng, Mù Cả.	Mường Tè, Nậm Nhùn
20. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Lạng Sơn (05 đơn vị)			
198	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lạng Sơn: Đồng Đăng, Cao Lộc, Công Sơn, Ba Sơn, Tam Thanh, Lương Văn Tri, Kỳ Lừa, Đông Kinh, Tân Đoàn, Khánh Khê.	thành phố Lạng Sơn, Cao Lộc
199	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lạng Sơn: Thất Khê, Đoàn Kết, Tân Tiến, Tràng Định, Quốc Khánh, Kháng Chiến, Quốc Việt, Na Sầm, Văn Lãng, Hội Hoan, Thụy Hùng, Hoàng Văn Thụ.	Tràng Định, Văn Lãng
200	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn	Đối với 18 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lạng Sơn: Bình Gia, Tân Văn, Hồng Phong, Hoa Thám, Quý Hòa, Thiện Hòa, Thiện Thuật, Thiện Long, Bắc Sơn, Hưng Vũ, Vũ Lãng, Nhất Hòa, Vũ Lễ, Tân Tri, Văn Quan, Điềm He, Tri Lễ, Yên Phúc.	Bình Gia, Bắc Sơn, Văn Quan
201	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn	Đối với 14 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lạng Sơn: Hữu Lũng, Tuấn Sơn, Tân Thành, Vân Nham, Thiện Tân, Yên Bình, Hữu Liên, Cai Kinh, Chi Lãng, Nhân Lý, Chiến Thắng, Quan Sơn, Bằng Mạc, Vạn Linh.	Hữu Lũng, Chi Lãng
202	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lạng Sơn: Lộc Bình, Mẫu Sơn, Na Dương, Lợi Bác, Thống Nhất, Xuân Dương, Khuất Xá, Đình Lập, Châu Sơn, Kiên Mộc, Thái Bình.	Đình Lập, Lộc Bình

STT	Tên của Tòa án nhân dân khu vực	Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực	Tòa án nhân dân khu vực kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện sau đây
21. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Lào Cai (09 đơn vị)			
203	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lào Cai	Đối với 04 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lào Cai: Văn Phú, Yên Bái, Nam Cường, Âu Lâu.	thành phố Yên Bái
204	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lào Cai	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lào Cai: Lâm Thượng, Lục Yên, Tân Lĩnh, Khánh Hòa, Phúc Lợi, Mường Lai, Cẩm Nhân, Yên Thành, Thác Bà, Yên Bình, Bảo Ái.	Lục Yên, Yên Bình
205	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lào Cai	Đối với 14 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lào Cai: Phong Dụ Hạ, Châu Quế, Lâm Giang, Đông Công, Tân Hợp, Mậu A, Xuân Ái, Mỏ Vàng, Trấn Yên, Hưng Khánh, Lương Thịnh, Việt Hồng, Quy Mông, Phong Dụ Thượng.	Văn Yên, Trấn Yên
206	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai	Đối với 14 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lào Cai: Khao Mang, Mù Cang Chải, Púng Luông, Tú Lệ, Gia Hội, Sơn Lương, Văn Chấn, Thượng Bằng La, Chấn Thịnh, Nghĩa Tâm, Chế Tạo, Nậm Có, Lao Chải, Cát Thịnh.	Mù Cang Chải, Văn Chấn
207	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lào Cai	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lào Cai: Trạm Tấu, Hạnh Phúc, Phình Hồ, Nghĩa Lộ, Trung Tâm, Cầu Thia, Tả Xi Láng, Liên Sơn.	Nghĩa Lộ, Trạm Tấu
208	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lào Cai	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lào Cai: Phong Hải, Xuân Quang, Bảo Thắng, Tầng Loông, Gia Phú, Cam Đường, Lào Cai, Cốc San, Hợp Thành.	thành phố Lào Cai, Bảo Thắng
209	Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lào Cai	Đối với 13 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lào Cai: Mường Hum, Dền Sáng, Y Tý, A Mú Sung, Trịnh Tường, Bản Xèo, Bát Xát, Mường Bo, Bản Hồ, Sa Pa, Tả Phìn, Tả Van, Ngũ Chi Sơn.	Bát Xát, Sa Pa
210	Tòa án nhân dân khu vực 8 - Lào Cai	Đối với 14 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lào Cai: Bảo Yên, Nghĩa Đô, Thượng Hà, Xuân Hòa, Phúc Khánh, Bảo Hà, Võ Lao, Khánh Yên, Văn Bàn, Dương Quý, Chiềng Ken, Minh Lương, Nậm Chày, Nậm Xé.	Bảo Yên, Văn Bàn
211	Tòa án nhân dân khu vực 9 - Lào Cai	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lào Cai: Cốc Lầu, Bảo Nhai, Bản Liên,	Si Ma Cai, Bắc Hà, Mường Khương

STT	Tên của Tòa án nhân dân khu vực	Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực	Tòa án nhân dân khu vực kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện sau đây
		Bắc Hà, Tả Củ Tỷ, Lũng Phình, Pha Long, Mường Khương, Bản Lầu, Cao Sơn, Si Ma Cai, Sín Chéng.	
22. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Lâm Đồng (17 đơn vị)			
212	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lâm Đồng	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lâm Đồng: Xuân Hương - Đà Lạt, Cam Ly - Đà Lạt, Lâm Viên - Đà Lạt, Xuân Trường - Đà Lạt, Lang Biang - Đà Lạt, Lạc Dương.	Lạc Dương, Đà Lạt
213	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lâm Đồng	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lâm Đồng: Đơn Dương, Ka Đô, Quảng Lập, D'Ran, Hiệp Thạnh, Đức Trọng, Tân Hội, Tà Hine, Tà Năng, Ninh Gia.	Đơn Dương, Đức Trọng
214	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lâm Đồng: Đinh Văn Lâm Hà, Phú Sơn Lâm Hà, Nam Hà Lâm Hà, Nam Ban Lâm Hà, Tân Hà Lâm Hà, Phúc Thọ Lâm Hà, Đam Rông 1, Đam Rông 2, Đam Rông 3, Đam Rông 4.	Lâm Hà, Đam Rông
215	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng	Đối với 16 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lâm Đồng: Phường 1 Bảo Lộc, Phường 2 Bảo Lộc, Phường 3 Bảo Lộc, B' Lao, Di Linh, Hòa Ninh, Hòa Bắc, Đinh Trang Thượng, Bảo Thuận, Sơn Điền, Gia Hiệp, Bảo Lâm 1, Bảo Lâm 2, Bảo Lâm 3, Bảo Lâm 4, Bảo Lâm 5.	Bảo Lộc, Bảo Lâm, Di Linh
216	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lâm Đồng: Đạ Huoai, Đạ Huoai 2, Đạ Huoai 3, Đạ Tẻh, Đạ Tẻh 2, Đạ Tẻh 3, Cát Tiên, Cát Tiên 2, Cát Tiên 3.	Đạ Huoai
217	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lâm Đồng	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lâm Đồng: Bắc Gia Nghĩa, Nam Gia Nghĩa, Đông Gia Nghĩa, Tà Đùng, Quảng Khê, Quảng Sơn, Quảng Hòa.	Gia Nghĩa, Đăk Glong
218	Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lâm Đồng: Quảng Tân, Tuy Đức, Kiến Đức, Nhân Cơ, Quảng Tín, Quảng Trục.	Tuy Đức, Đăk RLấp
219	Tòa án nhân dân khu vực 8 - Lâm Đồng	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lâm Đồng: Thuận An, Đức Lập, Đăk Mít, Đăk Sắk, Đăk Song, Đức An, Thuận Hạnh, Trường Xuân.	Đăk Mít, Đăk Song

STT	Tên của Tòa án nhân dân khu vực	Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực	Tòa án nhân dân khu vực kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện sau đây
220	Tòa án nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lâm Đồng: Đăk Wil, Nam Dong, Cư Jút, Nam Đà, Krông Nô, Nâm Nung, Quảng Phú.	Cư Jút, Krông Nô
221	Tòa án nhân dân khu vực 10 - Lâm Đồng	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lâm Đồng: Mũi Né, Phú Thủy, Phan Thiết, Tiến Thành, Phú Quý, Bình Thuận.	Phan Thiết, Phú Quý
222	Tòa án nhân dân khu vực 11 - Lâm Đồng	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lâm Đồng: Tuyên Quang, Hàm Thạnh, Hàm Kiệm, Tân Thành, Hàm Thuận Nam, Tân Lập.	Hàm Thuận Nam
223	Tòa án nhân dân khu vực 12 - Lâm Đồng	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lâm Đồng: Hàm Thắng, Đông Giang, La Dạ, Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận, Hồng Sơn, Hàm Liêm.	Hàm Thuận Bắc
224	Tòa án nhân dân khu vực 13 - Lâm Đồng	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lâm Đồng: Bắc Bình, Hồng Thái, Hải Ninh, Phan Sơn, Sông Lũy, Lương Sơn, Hòa Thắng.	Bắc Bình
225	Tòa án nhân dân khu vực 14 - Lâm Đồng	Đối với 04 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lâm Đồng: Vĩnh Hào, Liên Hương, Tuy Phong, Phan Rí Cửa.	Tuy Phong
226	Tòa án nhân dân khu vực 15 - Lâm Đồng	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lâm Đồng: La Gi, Phước Hội, Tân Hải, Tân Minh, Hàm Tân, Sơn Mỹ.	La Gi, Hàm Tân
227	Tòa án nhân dân khu vực 16 - Lâm Đồng	Đối với 05 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lâm Đồng: Bắc Ruộng, Nghị Đức, Đồng Kho, Tánh Linh, Suối Kiết.	Tánh Linh
228	Tòa án nhân dân khu vực 17 - Lâm Đồng	Đối với 04 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lâm Đồng: Nam Thành, Đức Linh, Hoài Đức, Trà Tân.	Đức Linh
23. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Nghệ An (12 đơn vị)			
229	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Nghệ An	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Nghệ An: Trường Vinh, Thành Vinh, Vinh Hưng, Vinh Phú, Vinh Lộc, Cửa Lò.	Vinh
230	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Nghệ An	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Nghệ An: Hưng Nguyên, Yên Trung, Hưng Nguyên Nam, Lam Thành, Nghi Lộc, Phúc Lộc, Đông Lộc, Trung Lộc, Thần Lĩnh, Hải Lộc, Văn Kiều.	Nghi Lộc, Hưng Nguyên
231	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Nghệ An	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Nghệ An: Diễn Châu, Đức Châu, Quảng Châu, Hải Châu, Tân Châu, An	Diễn Châu

STT	Tên của Tòa án nhân dân khu vực	Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực	Tòa án nhân dân khu vực kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện sau đây
		Châu, Minh Châu, Hùng Châu.	
232	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Nghệ An: Hoàng Mai, Tân Mai, Quỳnh Mai, Quỳnh Lưu, Quỳnh Văn, Quỳnh Anh, Quỳnh Tam, Quỳnh Phú, Quỳnh Sơn, Quỳnh Thắng.	Hoàng Mai, Quỳnh Lưu
233	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Nghệ An	Đối với 14 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Nghệ An: Vạn An, Nam Đàn, Đại Huệ, Thiên Nhãn, Kim Liên, Cát Ngạn, Tam Đồng, Hạnh Lâm, Sơn Lâm, Hoa Quân, Kim Bảng, Bích Hào, Đại Đồng, Xuân Lâm.	Nam Đàn, Thanh Chương
234	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Nghệ An	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Nghệ An: Yên Thành, Quan Thành, Hợp Minh, Vân Tụ, Vân Du, Quang Đông, Giai Lạc, Bình Minh, Đông Thành.	Yên Thành
235	Tòa án nhân dân khu vực 7 - Nghệ An	Đối với 13 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Nghệ An: Đô Lương, Bạch Ngọc, Văn Hiến, Bạch Hà, Thuận Trung, Lương Sơn, Tân Kỳ, Tân Phú, Tân An, Nghĩa Đồng, Giai Xuân, Nghĩa Hành, Tiên Đông.	Tân Kỳ, Đô Lương
236	Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Nghệ An: Nghĩa Đàn, Nghĩa Thọ, Nghĩa Lâm, Nghĩa Mai, Nghĩa Hưng, Nghĩa Khánh, Nghĩa Lộc, Thái Hòa, Tây Hiếu, Đông Hiếu.	Nghĩa Đàn, Thái Hòa
237	Tòa án nhân dân khu vực 9 - Nghệ An	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Nghệ An: Anh Sơn, Yên Xuân, Nhân Hòa, Anh Sơn Đông, Vĩnh Tường, Thành Bình Thọ, Con Cuông, Môn Sơn, Mậu Thạch, Cam Phục, Châu Khê, Bình Chuẩn.	Anh Sơn, Con Cuông
238	Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An	Đối với 16 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Nghệ An: Quế Phong, Tiên Phong, Tri Lễ, Mường Quàng, Thông Thụ, Quỳ Châu, Châu Tiến, Hùng Chân, Châu Bình, Quỳ Hợp, Tam Hợp, Châu Lộc, Châu Hồng, Mường Ham, Mường Chọng, Minh Hợp.	Quế Phong, Quỳ Châu, Quỳ Hợp
239	Tòa án nhân dân khu vực 11 - Nghệ An	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Nghệ An: Tam Quang, Tam Thái, Tương Dương, Lợng Minh, Yên Na, Yên Hòa, Nga My, Hữu Khuông, Nhân Mai.	Tương Dương

STT	Tên của Tòa án nhân dân khu vực	Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực	Tòa án nhân dân khu vực kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện sau đây
240	Tòa án nhân dân khu vực 12 - Nghệ An	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Nghệ An: Mường Xén, Hữu Kiệm, Nậm Cắn, Chiêu Lưu, Na Loi, Mường Típ, Na Ngoi, Mỹ Lý, Bắc Lý, Keng Đu, Huồi Tụ, Mường Lống.	Kỳ Sơn
24. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Ninh Bình (11 đơn vị)			
241	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Ninh Bình	Đối với 03 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Ninh Bình: Tây Hoa Lư, Hoa Lư, Nam Hoa Lư.	Hoa Lư
242	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Ninh Bình	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Ninh Bình: Tam Điệp, Yên Sơn, Trung Sơn, Yên Thắng, Yên Mô, Yên Từ, Yên Mạc, Đồng Thái.	Yên Mô, Tam Điệp
243	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Ninh Bình	Đối với 14 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Ninh Bình: Gia Viễn, Đại Hoàng, Gia Hưng, Gia Phong, Gia Vân, Gia Trấn, Nho Quan, Gia Lâm, Gia Tường, Phú Sơn, Cúc Phương, Phú Long, Thanh Sơn, Quỳnh Lưu.	Nho Quan, Gia Viễn
244	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình	Đối với 14 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Ninh Bình: Yên Khánh, Khánh Nhạc, Khánh Thiện, Khánh Hội, Khánh Trung, Đông Hoa Lư, Chát Bình, Kim Sơn, Quang Thiện, Phát Diệm, Lai Thành, Định Hóa, Bình Minh, Kim Đông.	Kim Sơn, Yên Khánh
245	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình	Đối với 16 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Ninh Bình: Liêm Hà, Tân Thanh, Thanh Bình, Thanh Lâm, Thanh Liêm, Hà Nam, Phù Lý, Phù Vân, Châu Sơn, Liêm Tuyên, Lê Hồ, Nguyễn Úy, Lý Thường Kiệt, Kim Thanh, Tam Chúc, Kim Bảng.	Kim Bảng, Phù Lý, Thanh Liêm
246	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình	Đối với 17 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Ninh Bình: Duy Tiên, Duy Tân, Đồng Văn, Duy Hà, Tiên Sơn, Nam Lý, Nhân Hà, Trần Thương, Vĩnh Trụ, Bắc Lý, Nam Xang, Lý Nhân, Bình Giang, Bình Sơn, Bình An, Bình Mỹ, Bình Lục.	Bình Lục, Duy Tiên, Lý Nhân
247	Tòa án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Ninh Bình: Nam Định, Thiên Trường, Đông A, Mỹ Lộc, Thành Nam, Trường Thi.	thành phố Nam Định
248	Tòa án nhân dân	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc	Vụ Bản, Ý Yên

STT	Tên của Tòa án nhân dân khu vực	Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực	Tòa án nhân dân khu vực kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện sau đây
	khu vực 8 - Ninh Bình	tỉnh Ninh Bình: Phong Doanh, Tân Minh, Vũ Dương, Vạn Thắng, Yên Cường, Yên Đồng, Ý Yên, Liên Minh, Vụ Bản, Hiến Khánh, Minh Tân.	
249	Tòa án nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình	Đối với 14 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Ninh Bình: Vị Khê, Hồng Quang, Ninh Cường, Minh Thái, Quang Hưng, Trục Ninh, Cát Thành, Ninh Giang, Cổ Lễ, Nam Hồng, Nam Ninh, Nam Đồng, Nam Minh, Nam Trục.	Trục Ninh, Nam Trục
250	Tòa án nhân dân khu vực 10 - Ninh Bình	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Ninh Bình: Xuân Trường, Xuân Hưng, Xuân Giang, Xuân Hồng, Giao Minh, Giao Hòa, Giao Thủy, Giao Phúc, Giao Hưng, Giao Bình, Giao Ninh.	Giao Thủy, Xuân Trường
251	Tòa án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình	Đối với 15 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Ninh Bình: Hải Hậu, Hải Anh, Hải Tiến, Hải Hưng, Hải An, Hải Quang, Hải Xuân, Hải Thịnh, Đồng Thịnh, Nghĩa Hưng, Nghĩa Sơn, Hồng Phong, Quỹ Nhất, Nghĩa Lâm, Rạng Đông.	Nghĩa Hưng, Hải Hậu
25. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Phú Thọ (17 đơn vị)			
252	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Phú Thọ	Đối với 05 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Phú Thọ: Việt Trì, Nông Trang, Thanh Miếu, Văn Phú, Hy Cương.	Việt Trì
253	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Phú Thọ: Lâm Thao, Xuân Lũng, Phùng Nguyên, Bản Nguyên, Phong Châu, Phú Thọ, Âu Cơ.	thị xã Phú Thọ, Lâm Thao
254	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Phú Thọ	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Phú Thọ: Phù Ninh, Dân Chủ, Phú Mỹ, Trạm Thản, Bình Phú, Thanh Ba, Quảng Yên, Hoàng Cương, Đông Thành, Chí Tiên, Liên Minh.	Thanh Ba, Phù Ninh
255	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Phú Thọ	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Phú Thọ: Tam Nông, Thọ Văn, Vạn Xuân, Hiền Quan, Thanh Thủy, Đào Xá, Tu Vũ.	Thanh Thủy, Tam Nông
256	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Phú Thọ: Đoan Hùng, Tây Cốc, Chân	Hạ Hòa, Đoan Hùng

STT	Tên của Tòa án nhân dân khu vực	Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực	Tòa án nhân dân khu vực kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện sau đây
		Mộng, Chí Đám, Bằng Luân, Hạ Hòa, Đan Thượng, Yên Kỳ, Vĩnh Chân, Văn Lang, Hiền Lương.	
257	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Phú Thọ: Yên Lập, Thượng Long, Sơn Lương, Xuân Viên, Minh Hòa, Trung Sơn, Vân Bán, Tiên Lương, Đồng Lương, Hùng Việt, Phú Khê, Cẩm Khê.	Yên Lập, Cẩm Khê
258	Tòa án nhân dân khu vực 7 - Phú Thọ	Đối với 13 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Phú Thọ: Thanh Sơn, Võ Miếu, Văn Miếu, Cự Đồng, Hương Cẩn, Yên Sơn, Khả Cửu, Tân Sơn, Minh Đài, Lai Đồng, Thu Cúc, Xuân Đài, Long Cốc.	Thanh Sơn, Tân Sơn
259	Tòa án nhân dân khu vực 8 - Phú Thọ	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Phú Thọ: Bình Xuyên, Xuân Lãng, Bình Nguyên, Bình Tuyên, Phúc Yên, Xuân Hòa.	Bình Xuyên, Phúc Yên
260	Tòa án nhân dân khu vực 9 - Phú Thọ	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Phú Thọ: Vĩnh Phúc, Vĩnh Yên, Tam Dương Bắc, Hoàng An, Hội Thịnh, Tam Dương, Đạo Trù, Đại Đình, Tam Đảo.	thành phố Vĩnh Yên, Tam Đảo, Tam Dương
261	Tòa án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Phú Thọ: Vĩnh Tường, Thổ Tang, Vĩnh Hưng, Vĩnh An, Vĩnh Phú, Vĩnh Thành, Yên Lạc, Tề Lỗ, Liên Châu, Tam Hồng, Nguyệt Đức.	Vĩnh Tường, Yên Lạc
262	Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Phú Thọ: Tam Sơn, Sông Lô, Hải Lựu, Yên Lãng, Lập Thạch, Tiên Lữ, Thái Hòa, Liên Hòa, Hợp Lý, Sơn Đông.	Sông Lô, Lập Thạch
263	Tòa án nhân dân khu vực 12 - Phú Thọ	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Phú Thọ: Thống Nhất, Tân Hòa, Kỳ Sơn, Hòa Bình, Thịnh Minh, Thung Nai, Mường Thàng, Cao Phong.	thành phố Hòa Bình, Cao Phong
264	Tòa án nhân dân khu vực 13 - Phú Thọ	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Phú Thọ: Kim Bôi, Mường Động, Dũng Tiến, Hợp Kim, Nật Sơn, Lương Sơn, Cao Dương, Liên Sơn.	Kim Bôi, Lương Sơn
265	Tòa án nhân dân khu vực 14 - Phú Thọ	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Phú Thọ: Đà Bắc, Cao Sơn,	Đà Bắc

STT	Tên của Tòa án nhân dân khu vực	Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực	Tòa án nhân dân khu vực kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện sau đây
		Đức Nhân, Quy Đức, Tân Pheo, Tiên Phong.	
266	Tòa án nhân dân khu vực 15 - Phú Thọ	Đối với 13 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Phú Thọ: Lạc Sơn, Mường Vang, Đại Đồng, Ngọc Sơn, Nhân Nghĩa, Quyết Thắng, Thượng Cốc, Yên Phú, Tân Lạc, Mường Bi, Mường Hoa, Toàn Thắng, Vân Sơn.	Lạc Sơn, Tân Lạc
267	Tòa án nhân dân khu vực 16 - Phú Thọ	Đối với 05 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Phú Thọ: Mai Châu, Bao La, Mai Hạ, Pà Cò, Tân Mai.	Mai Châu
268	Tòa án nhân dân khu vực 17 - Phú Thọ	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Phú Thọ: Lạc Thủy, An Bình, An Nghĩa, Yên Thủy, Lạc Lương, Yên Trị.	Lạc Thủy, Yên Thủy
26. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Quảng Ngãi (11 đơn vị)			
269	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ngãi: Lý Sơn, Nghĩa Lộ, Cẩm Thành, An Phú, Trương Quang Trọng, Tịnh Khê.	thành phố Quảng Ngãi, Lý Sơn
270	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ngãi	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ngãi: Bình Minh, Bình Chương, Bình Sơn, Vạn Tường, Đông Sơn, Trà Bồng, Đông Trà Bồng, Tây Trà, Thanh Bồng, Cà Đam, Tây Trà Bồng.	Trà Bồng, Bình Sơn
271	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Quảng Ngãi	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ngãi: Sơn Tây Hạ, Sơn Tây Thượng, Sơn Tây, Sơn Kỳ, Sơn Thủy, Sơn Hà, Sơn Linh, Sơn Hạ, Thọ Phong, Sơn Tịnh, Ba Gia, Trường Giang.	Sơn Tây, Sơn Hà, Sơn Tịnh
272	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ngãi	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ngãi: Long Phụng, Mỏ Cày, Mộ Đức, Lân Phong, Trà Giang, Nghĩa Giang, Vệ Giang, Tư Nghĩa.	Tư Nghĩa, Mộ Đức
273	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Quảng Ngãi	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ngãi: Sơn Mai, Minh Long, Phước Giang, Thiện Tín, Đình Cương, Nghĩa Hành.	Minh Long, Nghĩa Hành
274	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi	Đối với 13 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ngãi: Ba Xa, Đặng Thùy Trâm, Ba Động, Ba Vinh, Ba Tơ, Ba Dinh, Ba Tô, Ba Vi, Sa Huỳnh, Khánh Cường, Đức Phổ,	Ba Tơ, Đức Phổ

STT	Tên của Tòa án nhân dân khu vực	Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực	Tòa án nhân dân khu vực kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện sau đây
		Nguyễn Nghiêm, Trà Câu.	
275	Tòa án nhân dân khu vực 7 - Quảng Ngãi	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ngãi: Kon Tum, Đăk Cấm, Đăk Bla, Ngọc Bay, Ia Chim, Đăk Rơ Wa.	thành phố Kon Tum
276	Tòa án nhân dân khu vực 8 - Quảng Ngãi	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ngãi: Sa Thầy, Sa Bình, Ya Ly, Ia Toi, Rờ Koi, Mô Rai, Ia Đal.	Ia H'Drai, Sa Thầy
277	Tòa án nhân dân khu vực 9 - Quảng Ngãi	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ngãi: Đăk Pxi, Đăk Mar, Đăk Ui, Ngọc Réo, Đăk Hà, Ngọc Tụ, Đăk Tô, Kon Đào, Đăk Sao, Đăk Tờ Kan, Tu Mơ Rông, Măng Ri.	Đăk Hà, Đăk Tô, Tu Mơ Rông
278	Tòa án nhân dân khu vực 10 - Quảng Ngãi	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ngãi: Đăk Kôi, Kon Braih, Đăk Rve, Măng Đen, Măng Bút, Kon Plông.	Kon Rẫy, Kon Plông
279	Tòa án nhân dân khu vực 11 - Quảng Ngãi	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ngãi: Đăk Long, Đăk Môn, Đăk Pék, Đăk Plô, Ngọc Linh, Xốp, Dục Nông, Sa Loong, Bờ Y.	Đăk Glei, Ngọc Hồi
27. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Quảng Ninh (06 đơn vị)			
280	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ninh: Tuần Châu, Việt Hưng, Bãi Cháy, Hà Tu, Hà Lâm, Cao Xanh, Hồng Gai, Hạ Long, Hoàn Bồ, Quảng La, Thống Nhất.	Hạ Long
281	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ninh	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ninh: Yên Tử, Vàng Danh, Uông Bí, Đông Mai, Hiệp Hòa, Quảng Yên, Hà An, Phong Cốc, Liên Hòa.	Uông Bí, Quảng Yên
282	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Quảng Ninh	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ninh: Cô Tô, Vân Đồn, Mông Dương, Quang Hanh, Cẩm Phả, Cửa Ông, Hải Hòa.	Cô Tô, Cẩm Phả, Vân Đồn
283	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ninh: Hoàn Mô, Lục Hồn, Bình Liêu, Đầm Hà, Quảng Tân, Ba Chẽ, Kỳ Thượng, Lương Minh, Hải Lạng, Đông Ngũ, Điền Xá, Tiên Yên.	Ba Chẽ, Tiên Yên, Bình Liêu, Đầm Hà
284	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Quảng Ninh	Đối với 05 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ninh: An Sinh, Đông Triều, Bình Khê, Mạo Khê, Hoàng Quế.	Đông Triều

STT	Tên của Tòa án nhân dân khu vực	Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực	Tòa án nhân dân khu vực kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện sau đây
285	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ninh	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ninh: Quảng Hà, Đường Hoa, Quảng Đức, Hải Sơn, Hải Ninh, Vĩnh Thực, Móng Cái 1, Móng Cái 2, Móng Cái 3, Cái Chiên.	Hải Hà, Móng Cái
28. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Quảng Trị (08 đơn vị)			
286	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Trị: Nam Trạch, Bồ Trạch, Hoàn Lão, Đông Trạch, Bắc Trạch, Phong Nha, Thượng Trạch, Đồng Sơn, Đồng Thuận, Đồng Hới.	Bồ Trạch, Đồng Hới
287	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Trị	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Trị: Dân Hóa, Kim Điền, Kim Phú, Minh Hóa, Tân Thành, Tuyên Lâm, Tuyên Sơn, Đồng Lê, Tuyên Phú, Tuyên Bình, Tuyên Hóa.	Minh Hóa, Tuyên Hóa
288	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Quảng Trị	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Trị: Nam Gianh, Nam Ba Đồn, Ba Đồn, Bắc Gianh, Tân Gianh, Trung Thuận, Quảng Trạch, Hòa Trạch, Phú Trạch.	Quảng Trạch, Ba Đồn
289	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Trị: Quảng Ninh, Ninh Châu, Trường Ninh, Trường Sơn, Lệ Thủy, Cam Hồng, Sen Ngư, Tân Mỹ, Trường Phú, Lệ Ninh, Kim Ngân.	Quảng Ninh, Lệ Thủy
290	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Quảng Trị	Đối với 04 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Trị: Cam Lộ, Hiếu Giang, Đông Hà, Nam Đông Hà.	Cam Lộ, Đông Hà
291	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Trị: Nam Hải Lăng, Vĩnh Định, Hải Lăng, Mỹ Thủy, Diên Sanh, Nam Cửa Việt, Triệu Cơ, Triệu Bình, Ái Tử, Triệu Phong, Quảng Trị.	thị xã Quảng Trị, Triệu Phong, Hải Lăng
292	Tòa án nhân dân khu vực 7 - Quảng Trị	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Trị: Hướng Hiệp, Ba Lòng, Đakrông, Tà Rụt, La Lay, A Dơi, Lìa, Lao Bảo, Tân Lập, Khe Sanh, Hướng Phùng, Hướng Lập.	Hướng Hóa, Đakrông
293	Tòa án nhân dân	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc	Vĩnh Linh, Gio Linh,

STT	Tên của Tòa án nhân dân khu vực	Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực	Tòa án nhân dân khu vực kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện sau đây
	khu vực 8 - Quảng Trị	tỉnh Quảng Trị: Cồn Cỏ, Bến Hải, Gio Linh, Cửa Việt, Cồn Tiên, Bến Quan, Vĩnh Thủy, Vĩnh Hoàng, Cửa Tùng, Vĩnh Linh.	Cồn Cỏ
29. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Sơn La (06 đơn vị)			
294	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Sơn La	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Sơn La: Tô Hiệu, Chiềng An, Chiềng Cơi, Chiềng Sinh, Mường La, Chiềng Lao, Mường Bú, Chiềng Hoa, Ngọc Chiến.	thành phố Sơn La, Mường La
295	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La	Đối với 14 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Sơn La: Quỳnh Nhai, Mường Chiên, Mường Giôn, Mường Sại, Thuận Châu, Chiềng La, Nậm Lâu, Muối Nọi, Mường Khiêng, Co Mạ, Bình Thuận, Mường É, Long Hẹ, Mường Bám.	Quỳnh Nhai, Thuận Châu
296	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La	Đối với 13 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Sơn La: Bó Sinh, Chiềng Khương, Mường Hung, Chiềng Khoong, Mường Lầm, Nậm Ty, Sông Mã, Huổi Một, Chiềng Sơ, Sốp Cộp, Púng Bính, Mường Lạn, Mường Lèo.	Sông Mã, Sốp Cộp
297	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Sơn La	Đối với 13 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Sơn La: Yên Châu, Chiềng Hặc, Lóng Phiêng, Yên Sơn, Phiêng Khoài, Chiềng Mai, Mai Sơn, Phiêng Pằn, Chiềng Mung, Phiêng Cầm, Mường Chanh, Tà Hộc, Chiềng Sung.	Mai Sơn, Yên Châu
298	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La	Đối với 14 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Sơn La: Bắc Yên, Tà Xùa, Tạ Khoa, Xím Vàng, Pắc Ngà, Chiềng Sại, Phù Yên, Gia Phù, Tường Hạ, Mường Cơi, Mường Bang, Tân Phong, Kim Bôn, Suối Tọ.	Bắc Yên, Phù Yên
299	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Sơn La	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Sơn La: Mộc Châu, Mộc Sơn, Vân Sơn, Thảo Nguyên, Đoàn Kết, Lóng Sập, Chiềng Sơn, Tân Yên, Vân Hồ, Song Khùa, Tô Múa, Xuân Nha.	Mộc Châu, Vân Hồ
30. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Tây Ninh (12 đơn vị)			
300	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tây Ninh	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Tây Ninh: Thủ Thừa, Mỹ An, Mỹ Thạnh, Tân Long, Long An, Tân An, Khánh Hậu.	Thủ Thừa, Tân An
301	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Tây Ninh: Hậu Thạnh, Nhơn Hòa Lập, Tân Thạnh, Thạnh Hóa, Đức Huệ	Tân Thạnh, Thạnh Hóa, Đức Huệ

STT	Tên của Tòa án nhân dân khu vực	Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực	Tòa án nhân dân khu vực kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện sau đây
		Nhơn Ninh, Tân Thạnh, Bình Thành, Thạnh Phước, Thạnh Hóa, Tân Tây, Mỹ Quý, Đông Thành, Đức Huệ.	
302	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tây Ninh	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Tây Ninh: An Ninh, Hiệp Hòa, Hậu Nghĩa, Hòa Khánh, Đức Lập, Mỹ Hạnh, Đức Hòa.	Đức Hòa
303	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh	Đối với 05 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Tây Ninh: Thạnh Lợi, Bình Đức, Lương Hòa, Bến Lức, Mỹ Yên.	Bến Lức
304	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tây Ninh	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Tây Ninh: Vàm Cỏ, Tân Trụ, Nhựt Tảo, Thuận Mỹ, An Lục Long, Tâm Vu, Vĩnh Công.	Châu Thành (Long An), Tân Trụ
305	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Tây Ninh	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Tây Ninh: Long Cang, Rạch Kiến, Mỹ Lệ, Tân Lân, Cần Đước, Long Hựu.	Cần Đước
306	Tòa án nhân dân khu vực 7 - Tây Ninh	Đối với 05 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Tây Ninh: Phước Lý, Mỹ Lộc, Cần Giuộc, Phước Vĩnh Tây, Tân Tập.	Cần Giuộc
307	Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tây Ninh	Đối với 05 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Tây Ninh: Tuyên Thạnh, Bình Hiệp, Kiến Tường, Bình Hòa, Mộc Hóa.	Kiến Tường, Mộc Hóa
308	Tòa án nhân dân khu vực 9 - Tây Ninh	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Tây Ninh: Khánh Hưng, Vĩnh Hưng, Tuyên Bình, Vĩnh Châu, Tân Hưng, Vĩnh Thạnh, Hưng Điền.	Tân Hưng, Vĩnh Hưng
309	Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Tây Ninh: Hào Đước, Châu Thành, Ninh Điền, Hòa Hội, Phước Vinh, Thanh Điền, Hòa Thành, Long Hoa, Bình Minh, Tân Ninh.	Châu Thành (Tây Ninh), thành phố Tây Ninh, Hòa Thành
310	Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh	Đối với 15 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Tây Ninh: Trà Vong, Thạnh Bình, Tân Biên, Tân Lập, Tân Hòa, Tân Thành, Tân Hội, Tân Phú, Tân Châu, Tân Đông, Dương Minh Châu, Cầu Khởi, Lộc Ninh, Trông Mít, Ninh Thạnh.	Tân Biên, Tân Châu, Dương Minh Châu
311	Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Tây Ninh: Trảng Bàng, An Tịnh, Gò Dầu, Gia Lộc, Hưng Thuận, Phước Chỉ,	Gò Dầu, Bến Cầu, Trảng Bàng

STT	Tên của Tòa án nhân dân khu vực	Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực	Tòa án nhân dân khu vực kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện sau đây
		Thạnh Đức, Phước Thạnh, Long Chữ, Long Thuận, Bến Cầu.	
31. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Thái Nguyên (09 đơn vị)			
312	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thái Nguyên	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thái Nguyên: Tân Khánh, Kha Sơn, Diềm Thụy, Tân Thành, Phú Bình, Tân Cương, Quan Triều, Quyết Thắng, Gia Sàng, Tích Lương, Linh Sơn, Phan Đình Phùng.	thành phố Thái Nguyên, Phú Bình
313	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thái Nguyên	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thái Nguyên: Phổ Yên, Vạn Xuân, Trung Thành, Phúc Thuận, Thành Công, Sông Công, Bá Xuyên, Bách Quang.	Sông Công, Phổ Yên
314	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thái Nguyên	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thái Nguyên: Đại Từ, Đức Lương, Phú Thịnh, La Bằng, Phú Lạc, An Khánh, Quân Chu, Vạn Phú, Phú Xuyên, Đại Phúc.	Đại Từ
315	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thái Nguyên: Phú Lương, Vô Tranh, Yên Trạch, Hợp Thành, Định Hóa, Bình Yên, Trung Hội, Phượng Tiến, Phú Đình, Bình Thành, Kim Phượng, Lam Vỹ.	Định Hóa, Phú Lương
316	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thái Nguyên	Đối với 13 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thái Nguyên: Đồng Hỷ, Quang Sơn, Trại Cau, Nam Hòa, Văn Hán, Văn Lãng, Võ Nhai, Dân Tiến, Nghinh Tường, Thần Sa, La Hiên, Tràng Xá, Sảng Mộc.	Đồng Hỷ, Võ Nhai
317	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thái Nguyên	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thái Nguyên: Tân Kỳ, Thanh Mai, Thanh Thịnh, Chợ Mới, Bắc Kạn, Đức Xuân, Yên Bình.	thành phố Bắc Kạn, Chợ Mới
318	Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thái Nguyên: Phong Quang, Bạch Thông, Vĩnh Thông, Cẩm Giàng, Phú Thông, Nghĩa Tá, Yên Phong, Chợ Đồn, Yên Thịnh, Quảng Bạch, Nam Cường.	Chợ Đồn, Bạch Thông
319	Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thái Nguyên: Hiệp Lực, Nà Phặc, Ngân Sơn, Bằng Vân, Văn Lang,	Ngân Sơn, Na Ri

STT	Tên của Tòa án nhân dân khu vực	Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực	Tòa án nhân dân khu vực kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện sau đây
		Cường Lợi, Na Rì, Trần Phú, Côn Minh, Xuân Dương, Thượng Quan.	
320	Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thái Nguyên: Bằng Thành, Nghiên Loan, Cao Minh, Ba Bể, Chợ Rã, Phúc Lộc, Thượng Minh, Đồng Phúc.	Pác Nặm, Ba Bể
32. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Thanh Hóa (13 đơn vị)			
321	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hóa	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa: Hạc Thành, Quảng Phú, Đông Quang, Đông Sơn, Đông Tiến, Hàm Rồng, Nguyệt Viên.	thành phố Thanh Hóa
322	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa	Đối với 14 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa: Lưu Vệ, Quảng Yên, Quảng Ngọc, Quảng Ninh, Quảng Bình, Tiên Trang, Quảng Chính, Nông Công, Thắng Lợi, Trung Chính, Trường Văn, Thăng Bình, Tượng Lĩnh, Công Chính.	Quảng Xương, Nông Công
323	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thanh Hóa	Đối với 13 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa: Thiệu Hóa, Thiệu Quang, Thiệu Tiến, Thiệu Toán, Thiệu Trung, Triệu Sơn, Thọ Bình, Thọ Ngọc, Thọ Phú, Hợp Tiến, An Nông, Tân Ninh, Đồng Tiến.	Thiệu Hóa, Triệu Sơn
324	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa	Đối với 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa: Sầm Sơn, Nam Sầm Sơn, Hoàng Hóa, Hoàng Tiến, Hoàng Thanh, Hoàng Lộc, Hoàng Châu, Hoàng Sơn, Hoàng Phú, Hoàng Giang.	Hoàng Hóa, Sầm Sơn
325	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thanh Hóa	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa: Triệu Lộc, Đông Thành, Hậu Lộc, Hoa Lộc, Vạn Lộc, Nga Sơn, Nga Thắng, Hồ Vương, Tân Tiến, Nga An, Ba Đình.	Nga Sơn, Hậu Lộc
326	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa: Lĩnh Toại, Hoạt Giang, Hà Long, Tống Sơn, Hà Trung, Quang Trung, Bim Sơn.	Hà Trung, Bim Sơn
327	Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa: Vĩnh Lộc, Tây Đô, Biện Thượng, Kim Tân, Vân Du, Ngọc Trạo, Thạch Bình, Thành Vinh, Thạch Quảng.	Thạch Thành, Vĩnh Lộc

STT	Tên của Tòa án nhân dân khu vực	Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực	Tòa án nhân dân khu vực kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện sau đây
328	Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thanh Hóa	Đối với 15 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa: Yên Định, Yên Trường, Yên Phú, Quý Lộc, Yên Ninh, Định Tân, Định Hòa, Thọ Xuân, Thọ Long, Xuân Hòa, Sao Vàng, Lam Sơn, Thọ Lập, Xuân Tín, Xuân Lập.	Yên Định, Thọ Xuân
329	Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa	Đối với 16 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa: Mậu Lâm, Như Thanh, Yên Thọ, Thanh Kỳ, Trường Lâm, Các Sơn, Nghi Sơn, Trúc Lâm, Hải Bình, Đào Duy Từ, Tĩnh Gia, Hải Lĩnh, Tân Dân, Ngọc Sơn, Xuân Thái, Xuân Du.	Như Thanh, Nghi Sơn
330	Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa	Đối với 21 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa: Như Xuân, Thượng Ninh, Xuân Bình, Hóa Quý, Thanh Quân, Thanh Phong, Xuân Chinh, Thắng Lộc, Tân Thành, Luận Thành, Thường Xuân, Kiên Thọ, Nguyệt Án, Minh Sơn, Ngọc Liên, Thạch Lập, Ngọc Lặc, Bát Mọt, Lương Sơn, Yên Nhân, Vạn Xuân.	Như Xuân, Thường Xuân, Ngọc Lặc
331	Tòa án nhân dân khu vực 11 - Thanh Hóa	Đối với 14 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa: Tam Lư, Quan Sơn, Trung Hạ, Linh Sơn, Đồng Lương, Văn Phú, Giao An, Yên Khương, Yên Thắng, Tam Thanh, Sơn Thủy, Sơn Điện, Na Mèo, Mường Mìn.	Quan Sơn, Lang Chánh
332	Tòa án nhân dân khu vực 12 - Thanh Hóa	Đối với 13 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa: Cẩm Tân, Cẩm Vân, Cẩm Tú, Cẩm Thủy, Cẩm Thạch, Quý Lương, Điền Quang, Điền Lư, Pù Luông, Cổ Lũng, Bá Thước, Thiết Ống, Văn Nho.	Bá Thước, Cẩm Thủy
333	Tòa án nhân dân khu vực 13 - Thanh Hóa	Đối với 16 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa: Mường Lát, Hồi Xuân, Nam Xuân, Thiên Phú, Hiền Kiệt, Phú Lê, Trung Thành, Trung Sơn, Phú Xuân, Trung Lý, Tam Chung, Quang Chiêu, Pù Nhi, Nhi Sơn, Mường Lý, Mường Chanh.	Mường Lát, Quan Hóa
33. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Tuyên Quang (08 đơn vị)			
334	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang	Đối với 24 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Tuyên Quang: Hùng Lợi, Trung Sơn, Thái Bình, Tân Long, Xuân Vân, Lục Hành, Yên Sơn, Nhữ Khê, Kiến Thiết, Tân Trào, Minh Thanh, Sơn Dương, Bình Ca,	thành phố Tuyên Quang, Yên Sơn, Sơn Dương

STT	Tên của Tòa án nhân dân khu vực	Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực	Tòa án nhân dân khu vực kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện sau đây
		Tân Thanh, Sơn Thủy, Phú Lương, Trường Sinh, Hồng Sơn, Đông Thọ, Mỹ Lâm, Minh Xuân, Nông Tiến, An Tường, Bình Thuận.	
335	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang	Đối với 18 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Tuyên Quang: Tân Mỹ, Yên Lập, Tân An, Chiêm Hóa, Hòa An, Kiên Đài, Tri Phú, Kim Bình, Yên Nguyên, Trung Hà, Yên Phú, Bạch Xa, Phù Lưu, Hàm Yên, Bình Xa, Thái Sơn, Thái Hòa, Hùng Đức.	Hàm Yên, Chiêm Hóa
336	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Tuyên Quang: Thượng Lâm, Lâm Bình, Minh Quang, Bình An, Côn Lôn, Yên Hoa, Thượng Nông, Hồng Thái, Nà Hang.	Lâm Bình, Nà Hang
337	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang	Đối với 15 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Tuyên Quang: Cao Bồ, Thượng Sơn, Việt Lâm, Vị Xuyên, Bạch Ngọc, Linh Hồ, Phú Linh, Tùng Bá, Thuận Hòa, Minh Tân, Thanh Thủy, Lao Chải, Hà Giang 2, Hà Giang 1, Ngọc Đường.	thành phố Hà Giang, Vị Xuyên
338	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang	Đối với 15 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Tuyên Quang: Tiên Nguyên, Tân Trại, Quang Bình, Yên Thành, Bằng Lang, Xuân Giang, Tiên Yên, Đồng Yên, Vĩnh Tuy, Hùng An, Bắc Quang, Bằng Hành, Liên Hiệp, Đồng Tâm, Tân Quang.	Bắc Quang, Quang Bình
339	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang	Đối với 14 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Tuyên Quang: Khuôn Lùng, Quảng Nguyên, Trung Thịnh, Nậm Dẩn, Pà Vây Sủ, Xín Mần, Pờ Ly Ngải, Bản Máy, Thàng Tín, Hoàng Su Phì, Tân Tiến, Nậm Dịch, Hồ Thầu, Thông Nguyên.	Hoàng Su Phì, Xín Mần
340	Tòa án nhân dân khu vực 7 - Tuyên Quang	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Tuyên Quang: Minh Ngọc, Minh Sơn, Giáp Trung, Bắc Mê, Đường Hồng, Yên Cường, Tùng Vài, Quán Bạ, Nghĩa Thuận, Cán Tỷ, Lùng Tám, Bạch Đích.	Bắc Mê, Quán Bạ
341	Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang	Đối với 17 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Tuyên Quang: Đường Thượng, Du Già, Ngọc Long, Mậu Duệ, Yên Minh,	Đồng Văn, Mèo Vạc, Yên Minh

STT	Tên của Tòa án nhân dân khu vực	Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực	Tòa án nhân dân khu vực kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện sau đây
		Thăng Mố, Tát Ngà, Niêm Sơn, Khâu Vai, Mèo Vạc, Sơn Vĩ, Sùng Máng, Lũng Phìn, Phó Bảng, Sà Phìn, Đồng Văn, Lũng Cú.	
34. Tòa án nhân dân khu vực tại tỉnh Vĩnh Long (14 đơn vị)			
342	Tòa án nhân dân khu vực 1 - Vĩnh Long	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Vĩnh Long: Tân Ngãi, Tân Hạnh, Phước Hậu, Long Châu, Thanh Đức, Phú Quới, Long Hồ, An Bình.	thành phố Vĩnh Long, Long Hồ
343	Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Vĩnh Long: Cái Ngang, Song Phú, Ngãi Tứ, Tam Bình, Hòa Hiệp, Bình Phước, Nhơn Phú, Tân Long Hội, Cái Nhum.	Tam Bình, Mang Thít
344	Tòa án nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long	Đối với 06 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Vĩnh Long: Đông Thành, Cái Vồn, Bình Minh, Mỹ Thuận, Tân Lược, Tân Quới.	Bình Tân, Bình Minh
345	Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long	Đối với 12 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Vĩnh Long: Quới Thiện, Trung Thành, Trung Ngãi, Quới An, Trung Hiệp, Hiếu Phụng, Hiếu Thành, Lục Sĩ Thành, Trà Ôn, Trà Côn, Vĩnh Xuân, Hòa Bình.	Trà Ôn, Vũng Liêm
346	Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Vĩnh Long: Tân Phú, Tiên Thủy, Giao Long, Phú Túc, Phú Tân, Sơn Đông, Bến Tre, Phú Khương, An Hội.	Châu Thành (Bến Tre), Bến Tre
347	Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Vĩnh Long: Nhuận Phú Tân, Tân Thành Bình, Phước Mỹ Trung, Hưng Khánh Trung, Vĩnh Thành, Chợ Lách, Phú Phụng.	Chợ Lách, Mỏ Cày Bắc
348	Tòa án nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long	Đối với 07 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Vĩnh Long: Lương Hòa, Châu Hòa, Lương Phú, Phước Long, Tân Hào, Giồng Trôm, Hưng Nhượng.	Giồng Trôm
349	Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long	Đối với 14 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Vĩnh Long: Phú Thuận, Châu Hưng, Lộc Thuận, Thạnh Trị, Bình Đại, Thạnh Phước, Thới Thuận, An Hiệp, An Ngãi Trung, Mỹ Chánh Hòa, Tân Xuân, Ba Tri, Bảo Thạnh, Tân Thủy.	Ba Tri, Bình Đại
350	Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Vĩnh Long: Thạnh Phong, Thạnh Hải, An Qui, Thạnh Phú, Quới Điền, Đại Điền,	Mỏ Cày Nam, Thạnh Phú

STT	Tên của Tòa án nhân dân khu vực	Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực	Tòa án nhân dân khu vực kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện sau đây
		Hương Mỹ, An Định, Thành Thới, Mỏ Cày, Đồng Khởi.	
351	Tòa án nhân dân khu vực 10 - Vĩnh Long	Đối với 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Vĩnh Long: Long Hòa, Hòa Minh, Hưng Mỹ, Châu Thành, Song Lộc, Hòa Thuận, Nguyệt Hóa, Trà Vinh, Long Đức.	thành phố Trà Vinh, Châu Thành (Trà Vinh)
352	Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long	Đối với 05 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Vĩnh Long: An Trường, Tân An, Càng Long, Nhị Long, Bình Phú	Càng Long
353	Tòa án nhân dân khu vực 12 - Vĩnh Long	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Vĩnh Long: Tập Ngãi, Tiểu Cần, Hùng Hòa, Tân Hòa, Tam Ngãi, An Phú Tân, Phong Thạnh, Cầu Kè.	Tiểu Cần, Cầu Kè
354	Tòa án nhân dân khu vực 13 - Vĩnh Long	Đối với 11 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Vĩnh Long: Mỹ Long, Vinh Kim, Cầu Ngang, Nhị Trường, Hiệp Mỹ, Lưu Nghiệp Anh, Đại An, Hàm Giang, Trà Cú, Long Hiệp, Tập Sơn.	Trà Cú, Cầu Ngang
355	Tòa án nhân dân khu vực 14 - Vĩnh Long	Đối với 08 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Vĩnh Long: Ngũ Lạc, Đôn Châu, Long Vĩnh, Đông Hải, Long Thành, Long Hữu, Trường Long Hòa, Duyên Hải.	thị xã Duyên Hải, huyện Duyên Hải

VĂN PHÒNG QUỐC HỘI

Số: /VBHN-VPQH

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cục KTVB và TCTHPL, Bộ Tư pháp (để đăng trên CSDL Quốc gia về PL);
- Cục Quản trị, VPQH (để đăng trên Cổng thông tin điện tử của Quốc hội);
- Vụ Chuyển đổi số, VPQH (để đăng trên trang thông tin nội bộ Intranet);
- Lưu: HC, TH. *LM*

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2026

CHỦ NHIỆM

Lê Quang Mạnh